

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HẢO

**THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN,
QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH HƯNG YÊN**

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Mai Thanh

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi; các số liệu, tư liệu được sử dụng trong Luận văn là trung thực, có xuất xứ rõ ràng; những phát hiện đưa ra trong Luận văn là kết quả nghiên cứu của chính tác giả Luận văn.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Thị Hảo

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn TS. Lê Mai Thanh đã hướng dẫn và giúp đỡ tôi về mọi mặt để hoàn thành Luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Học viện Khoa học xã hội đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ tôi trong 02 năm qua để có được kết quả học tập của khóa học.

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ, công chức, các đồng nghiệp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Chi cục Thi hành án dân sự các huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ để tôi có thể hoàn thành việc nghiên cứu chủ đề Luận văn đúng tiến độ.

Cảm ơn những người thân, bạn bè, anh chị em học viên cùng khóa, cùng lớp đã giúp đỡ, chia sẻ, động viên tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện bản Luận văn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả

Nguyễn Thị Hào

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	01
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ	08
1.1. Khái niệm, đặc điểm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự	08
1.2. Nguyên tắc, thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự	14
1.3. Biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án quyết định hình sự	20
1.4. Thẩm quyền thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự và cơ chế thi hành	23
Chương 2 THỰC TRẠNG THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ TẠI TỈNH HUNG YÊN	27
2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Hưng Yên tác động đến việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự..	27
2.2. Thực trạng áp dụng các quy định về thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên	31
2.3. Thực trạng áp dụng các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên	48
2.4. Thực trạng cơ chế bảo đảm thi hành phần dân sự trong các	55

	bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên	56
Chương 3	PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ TẠI TỈNH HƯNG YÊN	63
3.1.	Phương hướng hoàn thiện pháp luật và cơ chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên	63
3.2.	Giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên	65
	KẾT LUẬN	75
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- | | |
|------------|----------------------------|
| 1. CQTHA | Cơ quan thi hành án |
| 2. CQTHADS | Cơ quan thi hành án dân sự |
| 3. TAND | Tòa án nhân dân |
| 4. THADS | Thi hành án dân sự |
| 5. VKSND | Viện kiểm sát nhân dân |
| 6. XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Kết quả thụ lý và giải quyết thi hành án dân sự của toàn ngành THADS tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015.....	28
Bảng 2.2	Kết quả thi hành phần dân sự trong các bản án và quyết định hình sự (về số việc).....	29
Bảng 2.3	Kết quả thi hành thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án và quyết định hình sự (về tiền).....	30

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bản án, quyết định của Tòa án khi được thi hành nghiêm chỉnh sẽ mang lại niềm tin cho nhân dân vào pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, hoạt động thi hành án có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố việc tuân thủ pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân. Theo tinh thần đó, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Bản án và quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”* [24, Điều 106]. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác này trong tiến trình cải cách tư pháp, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra mục tiêu trong những năm tới đây là tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thi hành án dân sự, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án, giải quyết căn bản tình trạng án tồn đọng, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Cơ quan thi hành án dân sự, nâng cao vai trò trách nhiệm của các Cơ quan thi hành án.

Nhiều năm qua, Chính phủ đã xác định công tác thi hành án dân sự là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản và thiết thực trong công tác này. Do vậy, thời gian, qua công tác thi hành án dân sự đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, kết quả nổi bật nhất theo đánh giá của Chính phủ là: *“Hệ thống cơ quan thi hành án dân sự được hình thành trong cả nước, công tác thi hành án dân sự đã được triển khai và hoạt động bước đầu có hiệu quả”* [32]. Tuy nhiên, kết quả công tác thi hành án dân sự có tăng lên nhưng chưa thực sự bền vững, án dân sự vẫn còn tồn đọng nhiều. Hiệu quả công tác thi hành án dân sự so với số thụ lý đầu vào chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Trong lĩnh

vực thi hành án dân sự ở nước ta đã có sự cắt khúc, tách rời giữa cơ quan xét xử và cơ quan thi hành án, là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc thi hành án bị chậm, tồn đọng, nhiều vụ việc gây khiếu kiện, bức xúc kéo dài; quá trình tổ chức thi hành án vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc do thi hành án dân sự có liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác, liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan nhà nước khác nhau; chưa có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa cơ quan pháp luật trong việc xử lý các hành vi không chấp hành án, chống đối, cản trở thi hành án [17].

Thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự mang tính quyền lực nhà nước nhằm thực hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án trong thực tiễn. Nhiệm vụ của giai đoạn này nhằm thi hành các hình phạt tiền, truy thu tiền, tịch thu tiền, tài sản và thi hành các quyết định dân sự khác mà Tòa án áp dụng đối với người bị kết án. Đó cũng chính là việc tước bỏ một phần hay toàn bộ tài sản của người bị kết án để sung quỹ Nhà nước hoặc để thu hồi, khắc phục những hậu quả về vật chất mà người phạm tội đã gây ra; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, góp phần giữ vững kỷ cương phép nước, tăng cường Pháp chế xã hội chủ nghĩa. Một mặt, do sự phát triển kinh tế - xã hội dẫn đến tình trạng phạm tội ngày càng nhiều, vì thế mà lượng án hình sự ngày một gia tăng, mặt khác do tính chất thi hành các vụ việc về loại án này rất phức tạp, khó giải quyết. Chẳng hạn như việc thi hành đối với những đối tượng đang phải chấp hành hình phạt tù, đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, muốn giải quyết tình trạng án “tồn đọng” nhằm nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng cần phải nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, đề ra các giải pháp đồng bộ, phù hợp với thực tế. Đứng trước nhu cầu cấp bách từ thực tiễn thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên và với những lý do nêu trên, tác giả

lựa chọn đề tài ***“Thi hành phân dân sự trong các bản án, quyết định hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên”*** làm Luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu về đề tài

Thời gian qua, lĩnh vực thi hành án dân sự là lĩnh vực nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cấp, các ngành, các địa phương và cá nhân trong xã hội. Trước những đòi hỏi khách quan của công tác thi hành án dân sự, đã có một số công trình khoa học, bài viết của tác giả nghiên cứu về đề tài này như:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ [2015], *Những cơ sở lý luận và thực tiễn về chế định Thừa phát lại* do Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh làm chủ nhiệm đề tài,

- Đề tài khoa học cấp Bộ, [2012], *Mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án* do Tổng Cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp làm chủ nhiệm đề tài,

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, *Luận cứ khoa học của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới* do Bộ Tư pháp làm chủ nhiệm đề tài,

- Hội thảo, *Nghiên cứu cơ chế pháp lý bảo đảm thi hành phần nghĩa vụ dân sự trong các bản án, quyết định hình sự”* do Tổng cục thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổ chức tháng 10/2014.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, *Những điểm mới của Luật Thi hành án dân sự 2008*, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010.

Bên cạnh đó, một số Luận văn, Luận án và công trình nghiên cứu về đề tài thi hành án dân sự như:

- Chu Thị Hoa (2016), *Pháp luật thi hành án dân sự trong cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Hà Nội, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Thủy, *Hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2008.

- Đặng Đình Quyền, *Hiệu quả áp dụng pháp luật trong thi hành án dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2010.

- Phan Huy Hiếu, *Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012.

- Nguyễn Công Long, *Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012

- Hà Văn Thành, *Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự theo Luật Thi hành án dân sự năm 2014 từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, 2015.

- Hoàng Thế Anh, *Giám sát thi hành án dân sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015

- Lê Thị Kim Dung, *Biện pháp bảo đảm thi hành án - Bước ngoặt của pháp luật về thi hành án dân sự*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số chuyên đề Thi hành án dân sự và vấn đề xã hội hóa, 2009.

- Trần Anh Tuấn, *Bản chất pháp lý của biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự theo Luật Thi hành án dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 16/2009.

- Nguyễn Thị Khanh, *Những vướng mắc từ thực tiễn thi hành Luật Thi hành án dân sự*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số 05/2010.

- Hồ Quân Chính, *Vài suy nghĩ về thời hạn áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề về thi hành án dân sự, tháng 7/2011.

- Trần Phương Hồng, *Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề, 2011.

Trong các công trình khoa học trên, các tác giả nghiên cứu chủ yếu liên quan đến vấn đề thi hành án dân sự. Tuy nhiên, đề tài “*Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*” chưa được quan tâm nghiên cứu, nội dung và phạm vi nghiên cứu đề tài cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ. Vì vậy, luận văn sẽ tiếp tục nghiên cứu những vấn đề còn bỏ ngỏ về lý luận và thực tiễn thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nhận diện những đặc thù, nội dung cơ bản thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật và loại trừ tình trạng tồn đọng trong việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận văn cụ thể như sau:

- Nghiên cứu lý luận về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự như khái niệm, đặc điểm của thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự. Đồng thời, nhận diện các khía cạnh lý luận về thi hành án dân sự nói chung cũng như phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng như nguyên tắc, thủ tục, nội dung, biện pháp bảo đảm và cưỡng chế, thẩm quyền thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Từ đó chỉ ra những kết quả

đạt được, một số khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc khi thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự ở tỉnh Hưng Yên.

- Đưa ra một số phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự từ thực tiễn tại tỉnh Hưng Yên.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự từ thực tiễn tại tỉnh Hưng Yên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn đặc thù về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự mà không nghiên cứu chuyên sâu toàn bộ các bản án, quyết định dân sự khác cũng như các bản án, quyết định hình sự nói chung.

- Phạm vi nghiên cứu về không gian: Tập trung nghiên cứu thi hành án dân sự trong phạm vi các bản án, quyết định hình sự của Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên gồm Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và 10 Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thành phố, không đề cập đến Cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

- Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Từ năm 2011 đến năm 2015 và 06 tháng đầu năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận để thực hiện đề tài này là chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm:

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp được áp dụng cho nội dung nghiên cứu trong phần cơ sở lý luận trình bày tại Chương 1 của Luận văn.

- Phương pháp thống kê, phân tích, khảo sát thực tế, so sánh được sử dụng cho những nghiên cứu trong các nội dung nêu tại Chương 2 của Luận văn.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp và quy nạp áp dụng tại Chương 3 của Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Về lý luận, Luận văn góp phần làm rõ thêm khái niệm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự và những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Về thực tiễn, các đề xuất và những giải pháp của Luận văn có thể vận dụng vào thực tế nhằm nâng cao chất lượng trong việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên cũng như trong việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại các địa phương khác.

Đồng thời Luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu học tập, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ Chấp hành viên, cán bộ làm công tác Thi hành án dân sự nói riêng và trong khoa học Luật học nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có nội dung chính gồm có 03 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Chương 2: Thực trạng thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

1.1.1. Khái niệm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Để làm sáng tỏ khái niệm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự của Tòa án, trước hết cần làm rõ khái niệm thi hành án dân sự (THADS). Theo Hán - Việt từ điển của tác giả Đào Duy Anh, "*Thi hành*" là "*đem cái việc đã trừ định sẵn mà làm ra cho có hiệu quả*" [1, tr.25]. Theo Đại Từ điển tiếng Việt, thi hành là "*thực hiện điều đã chính thức quyết định*" [36, tr.24]. Theo Từ điển Luật học của Nhà xuất bản Tư pháp năm 2006 do Tiến sĩ Nguyễn Đình Lộc làm Chủ tịch Hội đồng biên soạn: Thi hành án dân sự là hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, người phải thi hành án và các chủ thể khác trong việc thực hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án, bao gồm các hoạt động như cấp, chuyển giao bản án, quyết định dân sự; giải thích bản án, quyết định dân sự... Thi hành án đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định; bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội và công dân [39, tr.706].

Chính vì vậy, THADS được coi là giai đoạn có tính quyết định cuối cùng trong quá trình tố tụng và hiệu quả của nó sẽ góp phần đạt được mục đích của quá trình tố tụng. Như vậy có thể thấy rằng thi hành án dân sự chính là việc thực hiện bản án hay chấp hành bản án của người có quyền, nghĩa vụ theo nội dung quyết định của bản án và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Việc chấp hành bản án, quyết định của Tòa án của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể tự mình thực hiện các quyền, nghĩa vụ. Tuy nhiên, trên thực tế đến giai đoạn thi hành án dân sự trong các bản án, quyết định dân sự, kinh tế, hôn nhân gia đình, phân dân sự trong hình sự, các đương sự hầu như không tự nguyện thi hành phần nghĩa vụ của mình. Có những trường hợp do hoàn cảnh khó khăn thực sự nhưng đa số đương sự cố tình chây ì, trì hoãn, trốn tránh, thậm chí còn chống đối việc thi hành án. Vì vậy, để đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực được chấp hành nghiêm chỉnh thì Cơ quan thi hành án dân sự phải tiến hành nhiều biện pháp nghiệp vụ nhằm trực tiếp tác động đến ý thức của người được thi hành án, người phải thi hành án, thuyết phục, vận động họ tự nguyện thỏa thuận và tự nguyện thi hành phần nghĩa vụ của mình, hoặc phối hợp với cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để thi hành án dứt điểm vụ việc.

Một trong những khó khăn không nhỏ đối với các Cơ quan thi hành án dân sự đó là việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự. Sở dĩ như vậy là bởi vì đối với án hình sự, các đối tượng phải thi hành án có nhân thân hết sức phức tạp. Hầu hết các đối tượng này là những người nghiện hoặc buôn bán ma túy hay phạm tội đánh bạc, trộm cắp, cố ý gây thương tích... có nhiều đối tượng bị kết án phạt tù.

Một bản án hình sự có thể kèm theo những yếu tố dân sự. Người bị kết án ngoài việc phải chấp hành án phạt tù do vi phạm pháp luật (chấp hành bản án hình sự) thì còn phải chịu trách nhiệm dân sự như nộp một khoản bồi thường cho người bị hại hay nộp các khoản tiền vào ngân sách Nhà nước... Như vậy, trong việc thi hành án đối với bản án, quyết định hình sự của Tòa án gồm hai phần. Thứ nhất là thi hành án hình sự; Theo quy định BLHS, gồm: Thi hành án phạt tù, tử hình; án treo; phạt cải tạo không giam giữ;

phạt cấm cư trú; phạt quản chế; phạt trục xuất; phạt tước một số quyền công dân; phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh; và các biện pháp tư pháp như: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng [21]. Thứ hai là thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự của tòa án. Theo qui định của Luật Thi hành án dân sự, thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự gồm: thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, tài sản, án phí và các quyết định dân sự khác trong bản án, quyết định hình sự như: thi hành nghĩa vụ công khai xin lỗi; nghĩa vụ sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; nghĩa vụ hoàn trả tài sản; nghĩa vụ cấp dưỡng [25].

Các bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mới được đưa ra thi hành theo qui định tại khoản 1, Điều 2 Luật THADS năm 2014. Tuy nhiên, trong một số trường hợp mặc dù bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn được thi hành ngay theo qui định tại khoản 2, Điều 2 Luật THADS năm 2014. Theo đó, những bản án, quyết định hình sự được đưa ra thi hành phần nghĩa vụ dân sự bao gồm hai loại:

Một là, những bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Đó là bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án.

Hai là, những bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay. Đó là bản án, quyết định hình sự của Tòa án cấp sơ thẩm về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất tinh thần của công dân; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Như vậy, trừ trường hợp những bản án, quyết định của Tòa án chưa có

hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay thì những bản án, quyết định hình sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật cần phải trải qua một trình tự, thủ tục nhất định mới được tổ chức thi hành. Thi hành bản án và quyết định hình sự có thể được hiểu là đem bản án và quyết định hình sự của tòa án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế cho có hiệu quả. Bản án, quyết định hình sự của Tòa án được hiểu là văn bản pháp lý của Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên tại phiên tòa, giải quyết về các vấn đề trong vụ án hình sự. Vậy, thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự là biện pháp, phương thức tác động của các chủ thể tham gia vào quan hệ THADS nhằm đảm bảo cho bản án, quyết định hình sự của Tòa án được thi hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật. Trong thực tế, việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự có vai trò rất quan trọng, bởi vì ngoài việc thu các khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước và bồi thường công dân thì việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự còn mang lại quyền lợi cho người phải thi hành án như đối với những người bị án treo thì việc thi hành phần nghĩa vụ dân sự đối với nhà nước sẽ giúp họ sớm được xóa án tích. Còn đối với những đối tượng bị kết án tù giam thì việc thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự còn là điều kiện xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành phần dân sự đang chấp hành hình phạt tù.

Như vậy, thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự có ý nghĩa rất quan trọng. Một mặt vừa mang lại nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, mặt khác cũng góp phần thực hiện chủ trương, chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng, Nhà nước [34, tr.56].

Từ những phân tích nêu trên có thể định nghĩa thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự như sau:

Thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự là hoạt động

của Cơ quan thi hành án dân sự thông qua Thủ trưởng, Chấp hành viên của cơ quan này tiến hành theo trình tự, thủ tục do Luật Thi hành án dân sự quy định để buộc người bị kết án trong các vụ án hình sự phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, tài sản, án phí và quyết định dân sự nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

1.1.2. Đặc điểm của thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Trên cơ sở định nghĩa thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, có thể rút ra một số đặc điểm của thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự như sau:

- Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là một hình thức cụ thể của hoạt động thi hành án dân sự.

Đó cũng là hoạt động hành chính - tư pháp, do các cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật thi hành án dân sự quy định [18, tr.20]. Đây là một trong những trường hợp cụ thể (đặc biệt) của thi hành án dân sự, đó là thi hành khoản tịch thu sung quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản; hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản bản án, quyết định hình sự. Bên cạnh đó, Luật THADS còn quy định các trường hợp cụ thể (đặc biệt) khác như: thi hành quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời; thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm; thi hành quyết định về phá sản. Tuy nhiên, thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự có thêm đặc thù là ngoài việc cưỡng chế thi hành các nghĩa vụ về tiền và tài sản, về việc bồi thường thì Cơ quan THADS còn kết hợp với Cơ quan công an trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù.

- Thi hành án không chỉ theo yêu cầu của bên được thi hành mà còn do Cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành.

Theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự, có hai trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án: Một là, khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án. Hai là, khi Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, trả lại tiền, tài sản cho đương sự, tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu, tiêu hủy vật chứng...

- Nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự của Tòa án liên quan chặt chẽ với quá trình giải quyết vụ án hình sự

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các giai đoạn tố tụng trước giai đoạn thi hành án như khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đều có mối liên quan chặt chẽ với nhau trong xử lý đối tượng thi hành nghĩa vụ dân sự như vật chứng, tiền, tài sản... bằng các biện pháp như thu thập, bảo quản vật chứng, thu giữ bưu tín, điện tín, bưu phẩm tại bưu điện, kê biên tài sản, tạm giữ tài liệu, đồ vật. Do đó, việc thi hành các khoản tịch thu sung công quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản, hoàn trả tiền... trong các bản án, quyết định hình sự phải được thực hiện gắn kết với các giai đoạn của hoạt động tố tụng hình sự trước đó và quá trình thi hành án cũng được kết hợp chặt chẽ giữa Cơ quan thi hành án dân sự với các Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Nghĩa vụ phải thi hành án là những khoản tịch thu sung quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản và hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong các bản án, quyết định về hình sự

Người phải thi hành án trong các vụ án hình sự một mặt phải thi hành phần hình phạt hình sự, bên cạnh đó, có nghĩa vụ thi hành phần dân sự là hình phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, tài sản, án phí và quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự

như: nghĩa vụ công khai xin lỗi; nghĩa vụ sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; nghĩa vụ hoàn trả tài sản; nghĩa vụ cấp dưỡng. Trên thực tế, việc thi hành các khoản thu sung công quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản và hoàn trả tiền, kê biên, tạm giữ... sẽ rất khó khăn, thậm chí không thể thi hành được vì nhiều lý do.

- Mục đích của thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự không chỉ nhằm đảm bảo việc thu ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền và lợi ích của người được thi hành án mà còn đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngăn chặn và trừng trị hành vi phạm tội, người phạm tội

Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong thực tiễn áp dụng pháp luật của các Cơ quan tư pháp nói chung và Cơ quan thi hành án dân sự nói riêng. Bởi lẽ, hoạt động thi hành án là giai đoạn cuối cùng khép lại quá trình tố tụng, mà giai đoạn này có thực hiện tốt thì quá trình tố tụng trước đó, chủ yếu là hoạt động xét xử của Tòa án thông qua ban hành bản án, quyết định hình sự mới được tôn trọng, tạo niềm tin cho người dân vào pháp luật của Nhà nước ta. Như vậy, việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự sẽ bảo đảm cho các quyết định của Tòa án được tiến hành kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả trên thực tế. Đặc biệt, thực hiện tốt hoạt động này còn có ý nghĩa trong việc xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội, ngăn chặn và phòng ngừa hành vi phạm tội, đồng thời góp phần không nhỏ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

1.2. Nguyên tắc, thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

1.2.1. Nguyên tắc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là một trường hợp cụ thể (đặc biệt) của hoạt động thi hành án dân sự [31, tr.25]. Do vậy, nguyên tắc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự cũng phải

tuân theo nguyên tắc thi hành án dân sự nói chung, tuy nhiên, xuất phát từ lý do là một trường hợp đặc biệt của hoạt động thi hành án dân sự, nên thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự phải tuân theo nguyên tắc đặc thù, nhất định như sau:

- Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền và lợi ích liên quan

Theo nguyên tắc chung, các bản án, quyết định hình sự được đưa ra thi hành khi có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật tố tụng [31, tr.24]. Như vậy, theo quy định của Luật THADS, những bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan THADS mới thụ lý và tổ chức thi hành. Theo đó, cá nhân, tổ chức, cơ quan có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định, trong trường hợp người phải thi hành không tự nguyện thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thì phải áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc đương sự phải thực hiện một nghĩa vụ (như trả tiền bồi thường, thu tiền nộp ngân sách như phạt, án phí...) hoặc cấm thực hiện một hành vi nào đó liên quan đến tài sản như chuyển dịch, chuyển nhượng hoặc cấm làm một việc nhất định. Trong một số trường hợp nhất định, pháp luật cho phép thi hành bản án, quyết định khi chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay để đảm bảo quyền, lợi ích kịp thời của các bên (những bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị như: bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tổn thất về tinh thần, nhận người lao động trở lại làm việc; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời).

- Kết hợp biện pháp tự nguyện và biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Để thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự về nguyên tắc phải kết hợp chặt chẽ giữa hai biện pháp tự nguyện và cưỡng chế thi hành

án. Nguyên tắc này đặt ra yêu cầu đảm bảo quyền tự nguyện thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự của các đương sự. Trên cơ sở đó, Chấp hành viên cần đưa ra cho các đương sự một thời hạn theo luật định để họ tự nguyện thi hành, hoặc phải tích cực giáo dục, thuyết phục các đương sự tự nguyện thi hành. Tuy nhiên, trong trường hợp có điều kiện thi hành án mà sau khi được giáo dục, thuyết phục không tự nguyện thi hành các nghĩa vụ dân sự thì Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án cần thiết theo quy định Luật THADS để bảo đảm việc thi hành [35, tr.5].

Việc áp dụng pháp luật trong thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự phải kết hợp cả sự mềm dẻo, linh động, cứng rắn, phù hợp với đối tượng là người phải thi hành án có nhân thân không tốt để cảm hóa họ tôn trọng và nghiêm túc thực hiện việc thi hành án dân sự, đồng thời tạo động lực giúp họ trở về cuộc sống lương thiện, có ý thức chấp hành pháp luật.

- Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân với Cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng và thi hành án dân sự nói chung là hoạt động phức tạp, kết quả và hiệu quả của hoạt động này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cần có sự phối hợp của Cơ quan, tổ chức, cá nhân với Cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên. Trong các mối quan hệ phối hợp thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, thì mối quan hệ thể hiện sự quan trọng nhất là mối quan hệ giữa Cơ quan thi hành án dân sự với Tòa án đã ban hành bản án, quyết định và khi chuyển giao vật chứng tài sản tạm giữ kèm theo bản án, quyết định; với trại tạm giam và trại giam trong việc thu án phí, tiền phạt và các khoản phải thu khác đối với người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù; với Viện kiểm sát nhân dân khi tiến hành tiêu hủy vật chứng, tài sản; với Cơ quan điều tra khi tiến hành tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ. Nếu như các mối quan

hệ này được phối hợp tốt sẽ có hiệu quả rất lớn đối với hoạt động thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự và ngược lại nếu không tốt kết quả sẽ rất hạn chế. Do vậy, đây là một nguyên tắc cơ bản được áp dụng để thể hiện trách nhiệm phối hợp của cá nhân, cơ quan, tổ chức với Cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên trong việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự.

1.2.2. Thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

1.2.2.1. Thủ tục thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Cơ quan thi hành án dân sự thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự theo thủ tục chung đối với thi hành án dân sự nhưng có thể tóm lược mang tính đặc thù như sau:

a. Ra quyết định thi hành án dân sự

- Ra quyết định chủ động thi hành án dân sự: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành đối với phần bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án chuyển giao trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định.

- Ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án: Ngoài các trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án theo pháp luật, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án của đương sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu thi hành án, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án.

b. Gửi quyết định về thi hành án

- Quyết định về thi hành án phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp.

- Quyết định cưỡng chế thi hành án phải được gửi cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổ chức cưỡng chế thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành án.

c. Thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án

Người có thẩm quyền ra quyết định về thi hành án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có quyền ra quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án trong trường hợp quyết định về thi hành án có sai sót mà không làm thay đổi nội dung vụ việc thi hành án.

Quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định về thi hành án phải ghi rõ căn cứ, nội dung và hậu quả pháp lý của việc thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ.

d. Ủy thác thi hành án dân sự

Trong thực tế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng và trong hoạt động THADS nói chung, là một trong những hoạt động hành chính - Tư pháp nên hoạt động THADS liên quan đến nhiều chủ thể ở nhiều địa phương khác nhau. Để việc thi hành án đạt hiệu quả và được thực thi nhanh chóng, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, Luật THADS quy định việc ủy thác thi hành án. Đó là những trường hợp có liên quan đến tổ chức, cá nhân ở các địa phương khác, tài sản cũng nằm rải rác ở nhiều nơi nên cần tiến hành xác minh làm rõ và làm thủ tục ủy thác.

1.2.2.2. Nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Việc thi hành án dân sự trong các bản án, quyết định hình sự theo yêu cầu của bên được thi hành hoặc trên cơ sở chủ động của cơ quan thi hành có một số nội dung nhất định.

a. Chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ kèm theo bản án, quyết định

Vật chứng, tài sản tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự phải chuyển giao cho Cơ quan thi hành án dân sự tại thời điểm Tòa án chuyển giao bản án, quyết định.

b. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ mà bản án, quyết định tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản và tiến hành giao vật chứng, tài sản tạm giữ đó cho Cơ quan tài chính cùng cấp. Chi phí xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước do cơ quan tài chính nơi nhận vật chứng, tài sản tạm giữ chi trả theo quy định của pháp luật.

c. Tiêu hủy vật chứng, tài sản

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo bản án, quyết định

d. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sự.

e. Xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án

Chấp hành viên xử lý theo quy định pháp luật về định giá tài sản kê biên, định giá lại tài sản kê biên, giao tài sản để thi hành án và bán tài sản đã kê biên.

g. Thu án phí, tiền phạt và các khoản phải thu khác đối với người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù

Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thu các khoản tiền, tài sản mà người phải thi hành án, thân

nhân của người phải thi hành án nộp để thi hành án và chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người phải thi hành án chuyển trại giam, trại tạm giam hoặc được đặc xá, được miễn chấp hành hình phạt tù hoặc chết thì Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người đó chấp hành hình phạt tù phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự.

h. Trả lại tiền, tài sản cho người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù

Trường hợp người được thi hành án có yêu cầu và được nhận tiền, tài sản tại nơi đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật thì Chấp hành viên gửi tiền, tài sản cho người đó thông qua Giám thị trại giam, trại tạm giam; nếu từ chối sẽ sung công quỹ hoặc tiêu hủy. Chi phí cho việc gửi tiền, tài sản do người được thi hành án chịu. Khi giao tiền, tài sản cho đương sự, Giám thị trại giam, trại tạm giam lập biên bản và gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự.

1.3. Biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án quyết định hình sự.

1.3.1. Biện pháp bảo đảm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Biện pháp bảo đảm THADS là biện pháp pháp lý được Chấp hành viên áp dụng trong quá trình tổ chức thực hiện việc thi hành án, đặt tài sản của người phải thi hành án trong tình trạng bị hạn chế hoặc tạm thời bị cấm sử dụng, định đoạt, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng nhằm bảo toàn điều kiện thi hành án, ngăn chặn người phải thi hành án thực hiện việc tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng về tài sản, trốn tránh việc thi hành án, làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án [30, tr.14].

Theo Điều 66 Luật THADS năm 2014, khi áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên không phải thông báo trước cho đương sự. Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự, cụ thể:

1.3.1.1. Phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ

Phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ là một trong những biện pháp bảo đảm cơ bản được sử dụng phổ biến trong công tác đảm bảo thi hành án dân sự. Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn việc tẩu tán tiền trong tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ của người phải thi hành án.

1.3.1.2. Tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự

Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp cần thiết để tránh những trường hợp người phải thi hành án có những hành vi như tẩu tán tài sản, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng của tài sản... gây khó khăn cho việc thi hành án dân sự.

1.3.1.3. Tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản

Đây là một trong những biện pháp bảo đảm cơ bản, cần thiết được áp dụng trong công tác thi hành án dân sự. Biện pháp này được quy định tại Điều 69 Luật THADS năm 2014, trong trường hợp cần ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đó.

1.3.2. Biện pháp cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Sau khi đã áp dụng các biện pháp bảo đảm mà người phải thi hành án vẫn không thi hành thì buộc các cơ quan chức năng phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án, ví dụ như kê biên tài sản...

Biện pháp cưỡng chế kê biên là một trong những biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự nhằm hạn chế quyền định đoạt của người đang quản lý, sở hữu hoặc đang sử dụng tài sản đối với tài sản đó để đảm bảo việc thi hành án.

Như vậy, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là biện pháp thi hành án dân sự dùng quyền lực nhà nước buộc người phải thi hành thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự của họ, do Chấp hành viên áp dụng trong trường hợp người phải thi hành có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án [13, tr.27]

Để cưỡng chế thi hành án cần dựa vào các căn cứ: Bản án, quyết định; Quyết định thi hành án; Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án.

Theo Điều 71 Luật THADS năm 2014, các biện pháp cưỡng chế thi hành án như sau: Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án; Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ; Khai thác tài sản của người phải thi hành án; Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ; Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

Như vậy, kê biên tài sản là biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với người phạm tội có thể bị phạt tiền, tịch thu tài sản hoặc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra kê biên tài sản còn được áp dụng đối với tài sản đang tranh chấp để tránh việc tẩu tán trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hoặc được Chấp hành viên áp dụng đối với người phải thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án [2, tr.38].

Như vậy, cưỡng chế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự cũng là một biện pháp để đảm bảo cho quá trình thi hành án diễn ra có hiệu quả và nhanh chóng.

1.4. Thẩm quyền thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự và cơ chế thi hành

1.4.1. Thẩm quyền thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự

Cơ quan thi hành án dân sự là cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thi hành các bản án, quyết định dân sự theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự bao gồm: Cơ quan quản lý thi hành án dân sự và Cơ quan thi hành án dân sự. Trong đó, Cơ quan thi hành án dân sự bao gồm Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh) và Cơ quan thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện). Bên cạnh đó, còn Cơ quan thi hành án quân khu và tương đương nhưng không thuộc phạm vi nghiên cứu của Luận văn này nên tác giả không đề cập.

Như đã phân tích ở trên, thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là một dạng cụ thể của thi hành án dân sự. Do vậy, thẩm quyền thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện và cấp tỉnh cũng thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cấp huyện được quy định trong Luật THADS năm 2014, được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

Một là, trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Hai là, quản lý, chỉ đạo về thi hành án dân sự trên địa bàn theo thẩm quyền do pháp luật thi hành án dân sự quy định

Ba là, lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự; phối hợp với Cơ quan công an trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù.

Bốn là, thực hiện quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương.

Ngoài ra, Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.4.2. Cơ chế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự

Trong thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng, Cơ quan thi hành án dân sự, trực tiếp là Chấp hành viên - người được Nhà nước giao trách nhiệm tổ chức thi hành án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động liên quan đến việc tổ chức thi hành án. *“Tuy nhiên, hoạt động thi hành án dân sự có liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt do tính phức tạp của thi hành án dân sự mà trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, Cơ quan THADS phải huy động tổng hợp sức mạnh của nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị để đảm bảo cho việc thi hành án thống nhất, thuận lợi và thông suốt”* [2, tr.73].

Việc huy động tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị vào thi hành án dân sự được dựa trên cơ sở của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên và bản thân các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó trên cơ sở các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu Chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức và cá nhân hữu quan sẽ tham gia vào

quá trình thi hành án dân sự bằng các hoạt động cụ thể. Các hoạt động này được biểu hiện thông qua các quyết định của người đại diện có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đó khi tham gia vào những vụ việc cụ thể [2, tr.74].

Do vậy, hoạt động thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự, Cơ quan Thi hành án dân sự không thể “một thân, một mình” giải quyết được triệt để các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thi hành án. Các cơ quan Thi hành án dân sự cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan như cơ quan: Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Tài nguyên và môi trường, Kho bạc nhà nước, các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng, UBND cấp tỉnh, phường, xã,... trong áp dụng các biện pháp bảo đảm để giải quyết việc thi hành án như:

Cơ quan Tài nguyên và môi trường: Chỉ đạo các cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện yêu cầu liên quan đến giao dịch đối với tài sản của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên và Cơ quan thi hành án dân sự, không để người phải thi hành án tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án; cử người tham gia kê biên, xử lý tài sản thi hành án theo đề nghị của Cơ quan thi hành án dân sự.

Các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng: Phối hợp và thực hiện theo quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên và Cơ quan thi hành án dân sự, không để người phải thi hành án tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Công an: Phối hợp trong việc tạm giữ, bảo quản tài sản, giấy tờ của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên và Cơ quan thi hành án dân sự.

Ngoài ra, trong công việc, Thừa phát lại hỗ trợ cơ quan THADS nói chung và Chấp hành viên nói riêng trong việc tổng đạt các văn bản, giấy tờ, tài liệu cũng như xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

Sự hỗ trợ này sẽ làm giảm tải áp lực cho Chấp hành viên ở những đơn vị có lượng án nhiều. Đồng thời cũng giúp cho người được thi hành án, người phải thi hành án có sự lựa chọn trong giải quyết đối với án theo đơn, tránh được những bức xúc kéo dài đối với án khó khăn, phức tạp.

Kết luận chương 1

Thi hành phân dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là một hình thức đặc biệt của thi hành án dân sự, được hiểu là cơ quan THADS trong quá trình tổ chức thi hành, thực hiện các nội dung của phân dân sự trong các bản án, quyết định hình sự như: Thi hành khoản tịch thu sung quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản, hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự. Việc tổ chức thi hành án được tiến hành theo nguyên tắc, thủ tục và nội dung do pháp luật quy định nhằm thực hiện phân dân sự trong các bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Hoạt động thi hành án dân sự một mặt bảo đảm việc thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước, mặt khác là công cụ hữu hiệu để khôi phục lại các quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân khi bị người khác xâm hại.

Chương 2

THỰC TRẠNG THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ TẠI TỈNH HUNG YÊN

2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Hưng Yên tác động đến việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

2.1.1. Yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội

Hung Yên là cái nôi văn hóa của khu vực đồng bằng Bắc Bộ (Phố Hiến, Văn miếu Xích Đằng...) với rất nhiều nét văn hóa đặc trưng, dân trí cao. Hưng Yên có mật độ dân số đông, nguồn lao động dồi dào, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, với đóng góp cho ngân sách quốc gia chiếm một tỷ lệ lớn, cơ cấu kinh tế đa dạng với nhiều ngành nghề ở nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ với nguồn vốn được sử dụng có tính đa dạng và số lượng lớn. Với việc phát triển các khu công nghiệp ở tỉnh Hưng Yên, bên cạnh những thuận lợi cho phát triển kinh tế ở địa phương, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn, còn kéo theo nhiều tệ nạn xã hội, các loại tội phạm dễ dàng xảy ra, và đương nhiên trong nhiều vụ án đó cũng có phần phải đền bù những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, các tranh chấp cũng xảy ra nhiều và phức tạp hơn. Việc tổ chức thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự cũng trở nên hết sức phức tạp và khó khăn.

2.1.2. Đặc điểm chính trị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Hung Yên đang trong quá trình chuyển đổi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lao động chủ yếu là lao động phổ thông, nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế. Song với sự ổn định về chính trị, sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của đội ngũ công quyền nên về cơ bản ảnh hưởng rất tích cực đến công tác thi hành án dân sự nói chung và công tác giải quyết phần dân sự trong bản án, quyết

định hình sự nói riêng. Tuy nhiên, do biên chế tại các Cơ quan thi hành án dân sự bị hạn chế nên đội ngũ Chấp hành viên trên thực tế không đủ dẫn đến việc quá tải trong việc thi hành án nói chung, thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng. Bên cạnh đó, trình độ quản lý của công chức ở một số địa phương không đồng đều.

Những yếu tố phân tích ở trên có ý nghĩa nhất định trong việc đánh giá về việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự cũng như xem xét các nguyên nhân và điều kiện dẫn tới những kết quả cũng như hạn chế của thực hiện thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự ở tỉnh Hưng Yên.

2.1.3 Thực tế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

Trong những năm qua, số lượng các vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên không ngừng gia tăng và luôn có những diễn biến phức tạp. Theo số liệu thống kê của Cục THADS tỉnh Hưng Yên, số lượng án hình sự trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, tỷ lệ gia tăng thường là năm sau cao hơn năm trước. Số liệu về thực trạng thụ lý và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên đã minh chứng thực tế đó, thể hiện qua bảng thống kê sau đây:

Bảng 2.1: Bảng kết quả thụ lý và giải quyết thi hành án dân sự của toàn ngành THADS tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Số vụ việc	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số năm cũ chuyển sang	1340	1339	1330	1335	1350
Số thụ lý mới	2000	2350	2746	2813	3000
Tổng số thụ lý	3340	3689	4076	4148	4320

Đã giải quyết	2001	2359	2741	2798	2800
Tỷ lệ	59,91%	63,94%	67,24%	67,45%	64,81%

(Nguồn: Báo cáo của Cục THADS tỉnh Hưng Yên năm 2011-2015)[3].

Như vậy, có thể thấy số vụ việc thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ngày càng tăng. Phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự của Tòa án mà cơ quan THADS phải thi hành bao gồm: Án phí, tiền phạt, truy thu, tịch thu sung công, tiêu hủy vật chứng, hoàn trả tiền, tài sản (Thi hành án chủ động) và bồi thường công dân (Thi hành án theo đơn yêu cầu).

Bảng 2.2 : Kết quả thi hành phần dân sự trong các bản án và quyết định hình sự (về số việc)

Đơn vị tính: việc

Năm	Số việc phải thi hành	Số việc đã thi hành	Số việc còn tồn
2011	1.435	1.148	287
2012	1.570	1.256	314
2013	1.758	1.459	299
2014	1.986	1.688	298
2015	2.264	2.037	227
Tổng	9.013	7.588	1.425
Tỷ lệ		84,19%	15,81%
06 tháng 2016	1.956	1.662	294

(Nguồn: Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, tháng 6/2016)[3].

Bảng 2.3: Kết quả thi hành thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án và quyết định hình sự (về tiền)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Năm	Số tiền phải thi hành	Số tiền đã thi hành	Số tiền còn tồn
2011	43.050.000.000	25.830.000.000	17.220.000.000
2012	43.150.000.000	28.047.500.000	15.102.500.000
2013	46.170.500.000	30.934.235.000	15.236.265.000
2014	47.555.615.000	32.813.370.000	14.742.245.000
2015	48.215.000.000	34.714.800.000	13.500.200.000
Tổng	228.141.115.000	152.339.905.000	75.801.210.000
Tỷ lệ		66,77%	33,23%
06 tháng 2016	49.615.000.000	18.357.550.000	31.257.450.000

(Nguồn: Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, tháng 6/2016)[3].

Theo báo cáo tổng kết công tác thi hành án dân sự của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên từ 2011 đến 2015, số việc và số tiền thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là 9.013 việc = 228.141.115.000 đồng; trong đó, số việc và tiền đã thi hành xong là 7.588 việc = 152.339.905.000 đồng; số việc và tiền còn tồn đọng, chưa thi hành là 1.425 việc = 75.801.210.000 đồng. Riêng 06 tháng đầu năm 2016, số việc và số tiền phải thi hành là 1956 việc = 49.615.000.000 đồng. Như vậy, số việc và tiền phải thi hành có xu hướng tăng lên theo từng năm [45]. Điều này thể hiện các hình phạt tiền, tịch thu tài sản và các quyết định dân sự khác trong bản án, quyết định hình sự do hành vi phạm tội đã gia tăng. Qua bảng 2.2.2 và 2.2.3 cho thấy, số việc đã thi hành chiếm tỷ lệ khá cao 84,19% so với số việc phải thi hành, tuy nhiên số tiền đã thi hành chiếm tỷ lệ thấp 66,77% so với số tiền phải thi hành. Điều này cũng thể hiện các Cơ quan thi hành án ở Tỉnh Hưng

Yên đã rất nỗ lực để thi hành số vụ việc mà Tòa án đã xét xử, tuy nhiên số tiền đã thi hành vẫn chiếm tỷ lệ chưa cao, khó thực hiện trên thực tế vì nhiều lý do khác nhau.

2.2. Thực trạng áp dụng các quy định về thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

2.2.1. Thực trạng áp dụng các quy định về thủ tục thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Sau khi được phân công tổ chức thi hành án, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Chấp hành viên phải thiết lập hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BTP ngày 02/12/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục trong quản lý hành chính dân sự. Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án biết quyết định thi hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án (Điều 39 Luật THADS năm 2014). Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án họ phải tự nguyện thi hành (Điều 45 Luật THADS năm 2014).

- Đối với phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thuộc phần thi hành án chủ động thì Thủ trưởng cơ quan THADS chủ động ra quyết định thi hành án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật THADS năm 2014: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành đối với phần bản án, quyết định sau:

- Hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, lệ phí Tòa án; trả lại tiền, tài sản cho đương sự; tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản; các khoản thu khác cho Nhà nước; thu hồi quyền sử

dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án. Đối với quyết định quy định tại điểm đ khoản này thì phải ra ngay quyết định thi hành án. Đối với quyết định quy định tại điểm e khoản này thì phải ra quyết định thi hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định [25, khoản 2 Điều 36].

Như vậy, thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự là thể hiện tính cưỡng chế của quyền lực Nhà nước. Người bị kết án phải thi hành phần dân sự nếu không tự nguyện thi hành án sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thu tiền, tài sản với những quy định chặt chẽ và nghiêm ngặt.

Đặc điểm riêng của phần thi hành án này là người được thi hành nghĩa vụ dân sự là Nhà nước có nghĩa là tiền, tài sản thu được của người bị kết án được nộp vào ngân sách Nhà nước và các nghĩa vụ dân sự của người bị kết án phải được ưu tiên thi hành trước. Chủ thể với vai trò là người được thi hành án là Nhà nước, chủ thể với vai trò là người phải thi hành án là cá nhân bị kết án.

Đặc biệt, đối với phần chủ động trong các bản án, quyết định hình sự pháp luật về thi hành án dân sự không quy định thời hiệu thi hành án. Thời hiệu thi hành bản án hình sự tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Tuy nhiên, đối với các phần (nghĩa vụ) dân sự thuộc diện chủ động thi hành trong bản án, quyết định hình sự thì hiện nay không có quy định nào quy định về thời hiệu thi hành án. Vì thế cơ quan thi hành án dân sự phải chủ động ra quyết định thi hành án và tổ chức việc thi hành án đối với nghĩa vụ dân sự này khi nhận được bản án, quyết định do Tòa án chuyển giao. Thời hạn Tòa

án phải chuyển giao bản án qui định tại Điều 28 Luật thi hành án dân sự năm 2014. Sau khi nhận bản án, quyết định do Tòa án chuyển giao thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật THADS năm 2014.

Trong quá trình thi hành án khi người bị kết án chưa có điều kiện thi hành án thì Cơ quan thi hành án ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với người bị kết án theo qui định tại Điều 44a Luật thi hành án dân sự năm 2014 hoặc khi người bị kết án lâm vào những hoàn cảnh khó khăn với tính chất nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta, Điều 61 Luật thi hành án dân sự năm 2014 qui định về điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (thuộc diện chủ động ra quyết định thi hành án: án phí, tiền phạt, truy thu, tịch thu sung công).

Đối với những trường hợp người bị kết án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp đảm bảo, biện pháp cưỡng chế được quy định tại các Điều 66, Điều 71 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

- Đối với phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thuộc án theo đơn yêu cầu thì chỉ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự mới ra quyết định về việc thi hành án theo đơn yêu cầu.

Thi hành án theo đơn yêu cầu phát sinh từ các quyết định dân sự khác như: bồi thường thiệt hại, trả lại tiền, tài sản, buộc công khai xin lỗi thì cơ quan thi hành án chỉ thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án theo qui định tại khoản 1 Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2014, cụ thể: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khi có yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này. Thời hạn ra quyết định thi hành

án theo đơn yêu cầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án [25, khoản 1 Điều 36].

Đặc điểm riêng của phần thi hành án theo đơn là người được thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự là cá nhân, tổ chức được hưởng quyền lợi theo quyết định của Tòa án, có nghĩa là tiền, tài sản thu được của người bị kết án được trả cho người được hưởng và các phần dân sự này của người bị kết án đa phần được thi hành sau các phần dân sự thuộc loại thi hành án chủ động (trừ một số phần dân sự bồi thường tính mạng, sức khỏe, tiền lương, công lao động, ...). Chủ thể với vai trò là người được thi hành án là cá nhân, tổ chức được hưởng quyền lợi, chủ thể với vai trò là người bị thi hành là cá nhân bị kết án.

Điểm khác biệt so với thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự thuộc phần chủ động và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự theo đơn là Luật thi hành án dân sự năm 2014 có qui định thời hiệu yêu cầu thi hành tại khoản 1 Điều 30 như sau: Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn” [25, Điều 30].

Khi hết thời hạn quy định của Luật THADS năm 2014 mà người được hưởng quyền lợi theo quyết định của bản án, quyết định hình sự mà không có đơn yêu cầu thi hành án và không chứng minh được các trở ngại khách quan thì cơ quan thi hành án sẽ không tổ chức thi hành các nghĩa vụ dân sự này đối với người bị kết án, đây cũng là một đặc điểm riêng của các

nghĩa vụ dân sự thuộc phần thi hành án theo đơn. Ngoài ra trong quá trình thi hành án, người bị kết án có quyền được thỏa thuận với người được hưởng quyền lợi thậm chí người được hưởng quyền lợi có thể không yêu cầu thi hành nghĩa vụ dân sự đối với người bị kết án và khi đó cơ quan thi hành án sẽ ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với người bị kết án theo quy định tại Điều 50 Luật THADS năm 2014.

Trong quá trình thi hành án, nếu người bị kết án chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án sẽ căn cứ vào kết quả xác minh và ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, hoặc ra quyết định hoãn thi hành án khi có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật THADS năm 2014; đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật THADS.

Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là BLHS 2015 đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực thi hành) đã tạo cơ sở pháp lý rất rõ ràng, thuận tiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các hình phạt tiền, tịch thu tài sản và các quyết định dân sự khác. Luật THADS năm 2008 được ban hành thay thế Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 (nay là Luật THADS năm 2014) cũng như Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ cũng tạo ra căn cứ thi hành án dân sự mang tính độc lập phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tính chất đặc thù của hoạt động này. Pháp luật cũng tạo hành lang pháp lý để bảo đảm cho công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự hiệu quả hơn và có nhiều quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành án dân sự rõ ràng, dễ thực hiện hơn.

Tuy nhiên, tình trạng bất cập còn tồn tại do hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ. Trước hết là sự thiếu rõ ràng trong pháp luật hình sự, đặc biệt là một số điều luật liên quan đến hình phạt tiền, tịch thu tài sản. Chẳng hạn theo Điều 40 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009, khó phân biệt được nguồn gốc tài sản là bất hợp pháp hay hợp pháp và thường có tranh chấp về

sở hữu nên Tòa án rất hạn chế áp dụng hình phạt tịch thu tài sản.

Các qui định pháp luật về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự chưa được hoàn thiện, còn nhiều bất cập.

Chẳng hạn, một trong những căn cứ để ra quyết định về việc chưa có điều kiện thì cơ quan thi hành án phải xác minh họ không có tài sản và tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định là việc xác minh phải được thực hiện cách nhau không quá một năm trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù. Quy định như vậy là rất bất cập và không cần thiết vì người bị kết án đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù thì hầu như không có tài sản phát sinh, do đó việc phải liên tục xác minh về tài sản của họ là không cần thiết gây lãng phí về thời gian, tiền của và không hiệu quả, nặng về thủ tục hành chính.

Nếu chủ động thi hành án thì khi nhận bản án, quyết định của Tòa án chuyển giao, cơ quan THADS tiến hành kiểm tra, vào sổ nhận bản án, quyết định của Tòa án và ra quyết định thi hành án trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao bản án, quyết định sơ thẩm, còn Tòa án phúc thẩm thì chuyển giao bản án, quyết định phúc thẩm cho cơ quan thi hành án. Thời điểm mà Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chuyển giao là khác nhau. Như vậy, cơ quan THADS không thể cùng lúc nhận đồng thời án sơ thẩm và phúc thẩm được nên việc theo dõi để ra quyết định thi hành án chủ động thường gặp nhiều khó khăn.

2.2.2. Thực trạng áp dụng các quy định về nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

2.2.1. Đối với các khoản tiền phạt, tiền truy thu, tiền tài sản thu lời bắt chính, án phí, lệ phí Tòa án, tịch thu sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản

Trong thực tế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, ngoài khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm thì nhiều đối tượng phải chịu hình phạt tiền, truy thu tiền và thu lời bất chính. Nếu như Chấp hành viên không linh hoạt trong quá trình thi hành thì sẽ dẫn đến việc tổ chức thi hành án sẽ bị kéo dài. Ví dụ, sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, có một số gia đình tự nguyện nộp phần án phí sơ thẩm cho con em mình hoặc các đối tượng phạm tội tự nguyện nộp trước khi bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan THADS thu vào biên lai tạm thu. Khi đương sự kháng cáo thì Tòa án cũng thông báo cho người kháng cáo số tiền để họ phải nộp tạm ứng án phí kháng cáo tại cơ quan THADS nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án của mình. Khi xét xử các vụ án hình sự, Tòa án sau khi tuyên các nghĩa vụ về phần dân sự của người phải thi hành án thì Tòa án tuyên trừ các khoản mà người khởi kiện đã nộp tại cơ quan THADS. Như vậy, trên thực tế, nếu áp dụng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật THADS là Chấp hành viên phải thực hiện thông báo quyết định thi hành án cho người phải thi hành án hết thời gian 10 ngày tự nguyện thi hành án thì chuyển số tiền họ đã nộp tự nguyện và tạm ứng sang khoản thu chính. Như vậy, đối với một vụ việc đơn giản nhưng vẫn phải kéo dài thời gian tổ chức thi hành án đến 10 ngày, thay vào đó, trong trường hợp này, Chấp hành viên sau khi được phân công giải quyết vụ việc chỉ cần yêu cầu kế toán của đơn vị chuyển số tiền mà đương sự đã nộp từ khoản tạm thu sang thu chính thức và tiến hành nộp số tiền đó vào ngân sách Nhà nước là việc Thi hành án đã được hoàn thành.

Trên thực tế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự, lượng án tồn đọng rất nhiều, bởi các đối tượng trong bản án, quyết định hình sự hầu hết là các đối tượng cờ bạc, nghiện hút và buôn bán ma túy nên ngoài phần thu nộp các nghĩa vụ về dân sự họ còn phải chịu án phạt tù. Bản thân các đối tượng là những thanh niên lêu lổng, đua đòi nên sống phụ thuộc vào gia

đình, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Trong trường hợp này, thường thì Chấp hành viên phải giải thích vận động, thuyết phục người thân, gia đình của đương sự tự nguyện thu xếp nộp thay cho người phải thi hành án để tạo điều kiện cho người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù có cơ hội được miễn giảm án sớm trở lại cuộc sống với đầy đủ các quyền công dân hoặc những người phải thi hành án đang thi hành hình phạt là án treo cũng sớm có cơ hội xóa án tích.

Bên cạnh phần thi hành các khoản nộp ngân sách nhà nước nêu trên thì thông thường với khoản tiền mà bản án, quyết định tuyên tịch thu sung công hoặc bảo thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Đây là những khoản mà khi điều tra, truy tố, cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát đã thu được của người phạm tội và gửi vào tài khoản tạm giữ, do vậy đến khâu thi hành án dân sự thì Chấp hành viên chỉ việc yêu cầu kế toán làm các thủ tục tác nghiệp về tài chính, kế toán để chuyển khoản và nộp ngân sách nhà nước mà không phải tổ chức đơn đốc thi hành, ví dụ: Bản án số 14/2013/HSST ngày 26.3.2013 của TAND huyện Khoái Châu, quyết định THA số 331/CCTHA ngày 03.6.2013 của Chi cục THADS huyện Khoái Châu cho thi hành khoản án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 1.000.000đ do đối tượng Nguyễn Văn Ninh, ở tại thôn Kim Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu phạm tội mà có. Số tiền tịch thu này đã có trong tài khoản số 3949 của Công an huyện Khoái Châu tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu. Chấp hành viên sau khi được thủ trưởng giao hồ sơ đã tiến hành giao cho người phải thi hành án là Nguyễn Văn Ninh 01 Quyết định thi hành án số 14 ngày 26.3.2013. Hết thời gian tự nguyện thi hành án (đã được ấn định trong quyết định thi hành án), người nhà bị án Ninh đã lên trụ sở cơ quan thi hành án để tự nguyện nộp 200.000đ. Vì vậy, vụ việc thi hành án kết thúc chấp hành viên hoàn thiện hồ sơ để trình thủ trưởng cơ quan đưa hồ sơ vào lưu trữ theo quy

định. Trường hợp hết thời gian tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án chậm nộp đối với khoản tiền phạt và truy thu thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo nội dung của bản án, quyết định.

Đối với khoản án phí, phạt, truy thu trong bản án hình sự, Chấp hành viên phải vận dụng các biện pháp nghiệp vụ thi hành án quy định trong Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành để đôn đốc, thi hành án đến khi có kết quả thì khép lại hồ sơ.

Khi được thủ trưởng đơn vị giao hồ sơ để tổ chức thi hành, Chấp hành viên phải chủ động thông báo và giao các quyết định, văn bản giấy tờ cho các bên đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hết thời gian tự nguyện thi hành án (10 ngày làm việc), Chấp hành viên phải tiến hành đôn đốc, xác minh để thi hành vụ việc. Nếu người phải thi hành án nộp tiền theo quyết định của bản án và quyết định thi hành án thì vụ việc đương nhiên kết thúc. Nếu người phải thi hành án không nộp theo yêu cầu thì Chấp hành viên phải tiến hành xác minh tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành của người phải thi hành án và căn cứ vào các quy định của pháp luật để áp dụng các biện pháp bảo đảm, các biện pháp cưỡng chế thi hành án. Nếu kết quả xác minh cho thấy người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án thì Chấp hành viên phải đề xuất thủ trưởng cơ quan ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành theo Điều 44a Luật THADS năm 2014; Ngoài ra, nếu vụ việc có căn cứ hoãn hay đình chỉ thi hành thì Chấp hành viên xác minh và đề xuất ra các quyết định hoãn hoặc đình chỉ thi hành tương ứng với kết quả xác minh.

Ví dụ 1: Căn cứ bản án số 17/2015/HSPT ngày 02.4.2015 của TAND tỉnh Hưng Yên, quyết định thi hành án số chủ động số 421 ngày 02.06.2014 của Chi cục THADS huyện Khoái Châu buộc: Lê Văn Nguyễn, ở tại thôn Thiết trụ, xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên phải thi hành 200.000đ án phí HSST, 200.000đ án phí HSPT, 3.000.000đ tiền phạt,

2.000.000đ tiền tịch thu, 5.000.000đ truy thu. Cũng bản án trên, quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 430 ngày 03.6.2014 buộc Lê Văn Nguyễn phải nộp 70.000.000đ tiền bồi thường cho ông Nguyễn Văn Mạnh ở cùng địa chỉ.

Sau khi được thủ trưởng giao hồ sơ để tổ chức thi hành, Chấp hành viên đã làm các thủ tục giao các quyết định, văn bản về thi hành án cho các bên đương sự. Bị án Lê Văn Nguyễn không tự nguyện thi hành trong thời hạn tự nguyện là 10 ngày được do Nguyễn đang chấp hành án tù giam. Chấp hành viên đã tiến hành xác minh về điều kiện thi hành của Lê Văn Nguyễn và kết quả xác minh là Nguyễn không có tài sản để thi hành án. Căn cứ vào kết quả xác minh Chấp hành viên đề xuất Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định về việc án chưa có điều kiện thi hành theo Điều 44a đối với người phải thi hành án là Lê Văn Nguyễn. Do vậy, Chấp hành viên sẽ căn cứ vào quy định về đơn đốc theo dõi, xác minh án chưa có điều kiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 44 Luật THADS năm 2014.

Ví dụ 2: Căn cứ bản án số 44/2015/HSST ngày 04.7.2015 của TAND huyện Khoái Châu, quyết định thi hành án số 516 ngày 01.8.2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, buộc Nguyễn Huy Ba, ở tại thôn Năm Mẫu, xã Tứ Dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên phải nộp 200.000đ án phí HSST, 5000.000đ tiền phạt và tiền lãi suất chậm thi hành đối với khoản tiền phạt.

Chấp hành viên sau khi được thủ trưởng cơ quan phân công tổ chức thi hành đã tiến hành giao cho Nguyễn Huy Ba quyết định thi hành án (Điều 39 Luật THADS năm 2014). Hết thời gian tự nguyện thi hành Nguyễn Huy Ba không tự nguyện nộp các khoản tiền trên, Chấp hành viên tiến hành đơn đốc, xác minh về việc thi hành án. Kết quả : Ba có tài sản nhưng không tự nguyện thi hành và có thái độ chây ì, chống đối. Chấp hành viên phải tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của Nguyễn Huy Ba và được biết: bị án Ba có 01 ngôi nhà 2 tầng trên diện tích đất 123m²; 01 chiếc xe máy SH BKS: 40N-0047. Đối

chiếu với quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã tiến hành áp dụng biện pháp bảo đảm thu giữ ngay chiếc xe máy SH của Nguyễn Huy Ba (Điều 66, 67 Luật THADS năm 2014). Sau 05 ngày làm việc, Chấp hành viên căn cứ khoản 3 Điều 71, Điều 72, Điều 73 Luật THADS năm 2014 tiến hành ra quyết định kê biên tài sản đối với Nguyễn Huy Ba là 01 chiếc xe máy SH, xây dựng kế hoạch cưỡng chế đề nghị Viện kiểm sát tham gia giám sát việc tuân theo pháp luật, Công an huyện tham gia bảo vệ trật tự, phòng Tài chính kế hoạch huyện thẩm định giá. Đến giai đoạn này, Nguyễn Huy Ba xin nhận lại tài sản để tự nguyện nộp 200.000đ án phí HSST và 5.000.000đ tiền phạt.

Điều này cho thấy, Nguyễn Huy Ba là người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng cố tình chây ì, chống đối, không tự nguyện thi hành. Đây cũng là một thực trạng phổ biến đối các vụ việc thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng và thi hành án dân sự nói chung tại tỉnh Hưng Yên hiện nay.

Riêng đối với trường hợp có điều kiện thi hành nhưng cố tình trốn tránh, chây ì, ko tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên cần phải có thái độ kiên quyết, không ngại va chạm, không ngại khó khăn phức tạp cần áp dụng ngay các biện pháp bảo đảm kê biên cưỡng chế để bảo đảm thi hành dứt điểm vụ việc. Nếu chấp hành viên không có thái độ kiên quyết, các cơ quan có liên quan không phối hợp, hỗ trợ, đặc biệt là Chính quyền địa phương, Công an, Viện kiểm sát thì việc cưỡng chế thành công là một điều hết sức khó khăn. Vì đối tượng mà Chấp hành viên tiếp xúc là những đối tượng có tiền án, tiền sự, nhân thân không tốt, sự hiểu biết và chấp hành pháp luật rất kém. Do vậy đòi hỏi phải có sự quyết tâm của Chấp hành viên, sự phối hợp hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan có liên quan thì vụ việc mới thành công được.

Trong trường hợp đối tượng phải thi hành án không có điều kiện mà đủ các căn cứ để xét miễn giảm thì Chấp hành viên phải tích cực đôn đốc, giải

thích vận động họ hoặc người thân của họ nộp một phần (1/50) nghĩa vụ phải thi hành án, sau đó chấp hành viên lập hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát xem xét và chuyển tiếp hồ sơ sang tòa án mở phiên họp xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án cho người phải thi hành án theo điều 61, 62, 63 Luật Thi hành án và Thông tư liên tịch số 15/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc miễn giảm thi hành án đối với các khoản nộp ngân sách nhà nước ngày 15/ 9/ 2015.

Trường hợp bản án, quyết định tuyên phân tịch thu sung công là tài sản thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Chấp hành viên phải làm thủ tục để chuyển giao tài sản tạm giữ đó (Điều 124 Luật THADS năm 2014).

Bên cạnh người phải thi hành án phải thực hiện việc nộp các khoản tiền vào ngân sách Nhà nước trên thì có một số bản án, quyết định tuyên về phân tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản. Chấp hành viên sau khi thụ lý phải kiểm tra phân vật chứng để tiến hành xử lý. Trong thủ tục này liên quan đến một dây truyền các cơ quan có liên quan như Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Phòng tài chính cấp huyện. Cụ thể: trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra công an huyện tiến hành thu thập chứng cứ, vật chứng để lập hồ sơ điều tra. Khi đủ căn cứ theo quy định thì Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ điều tra sang Viện kiểm sát đề nghị ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và chuyển Tòa án xét xử. Khi kết thúc điều tra, Viện kiểm sát phải ra quyết định chuyển vật chứng sang kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án chuyển án sang cơ quan thi hành án đóng dấu “Để thi hành”. Sau khi thụ lý, ra quyết định thi hành án, căn cứ bản án và quyết định thi hành án, căn cứ Điều 124: “ *Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ mà bản án, quyết định tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án*

dân sự phải thông báo bằng văn bản và tiến hành giao vật chứng tài sản tạm giữ đó cho cơ quan tài chính” [25].

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo quyết định của bản án, quyết định. Trong Hội đồng tiêu hủy vật chứng phải có Chấp hành viên là Chủ tịch Hội đồng và đại diện Cơ quan tài chính và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (Điều 124, 125 Luật THADS năm 2014).

2.2.2. Hoàn trả tiền, tài sản theo bản án, quyết định hình sự của Tòa án

Điều 126 Luật THADS năm 2014 quy định: “ *Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tiền, tài sản cho đương sự. Trường hợp người được trả lại tiền, tài sản tạm giữ đồng thời là người phải thi hành nghĩa vụ trả tiền không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành” [25].*

Sau khi có quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ, Chấp hành viên thông báo cho đương sự thời gian, địa điểm nhận lại tiền, tài sản.

- Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông báo mà đương sự không đến nhận tiền thì chấp hành viên gửi tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kì hạn và thông báo cho đương sự.

- Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày được thông báo nhưng đương sự không đến nhận tài sản mà không có lí do chính đáng thì Chấp hành viên xử lý tài sản theo quy định tại các điều 98, 99, 101 của Luật THADS và gửi số tiền thu được theo hình thức tiết kiệm không kì hạn, đồng thời thông báo cho đương sự biết.

- Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục sung quỹ nhà nước.

Đối với tài sản không bán được hoặc bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định tiêu hủy và tổ chức tiêu hủy tài sản theo quy định tại Điều 125 của Luật THADS năm 2014.

Đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, Chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định.

Trường hợp trả lại tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận thì Cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Ngân hàng nhà nước đổi tiền mới có giá trị tương đương để trả cho đương sự. Đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được không do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự mà đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự giao cho Ngân hàng nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người được thi hành án khi được thông báo hợp lệ mà không đến nhận (trường hợp này đương sự không phải đang chấp hành án phạt tù), căn cứ khoản 1 Điều 126 Luật THADS năm 2014 quy định: *“Hết thời hạn 03 tháng mà người được thi hành án không đến nhận thì Chấp hành viên phải xử lý tài sản và gửi tiết kiệm không kì hạn. Hết 05 năm vẫn không đến nhận thì Chấp hành viên làm thủ tục sung quỹ nhà nước. Lúc này vụ việc mới khép lại”* [25].

Ví dụ: Căn cứ bản án số 79/2010/HSST ngày 07/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, quyết định thi hành án số 150/QĐ-CCTHA ngày 10/4/2010 của Chi cục THADS huyện Khoái Châu tuyên trả ông Đỗ Xuân Hạ, trú tại thôn Trung, xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên số tiền 250.000đ và trả bà Lê Thị Ánh Tuyết, trú tại thôn lồi Cầu, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe máy BKS 89N- 3377.

Sau khi thụ lý, Chấp hành viên đã giao quyết định thi hành án cho hai đương sự, đồng thời triệu tập hai đương sự lên nhận tiền và tài sản. Sau khi triệu tập, ông Hạ đã lên nhận tiền, bà Tuyết không lên nhận tài sản, cũng không ủy quyền cho ai đến nhận. Hết 03 tháng theo luật định, bà Tuyết vẫn không đến nhận tài sản, do vậy Chấp hành viên phải thành lập hội đồng định giá bán xe theo luật định và gửi số tiền đã bán xe vào ngân hàng, đồng thời thông báo cho bà Tuyết biết để nhận tiền. Hết 05 năm do bà Tuyết vẫn ko đến nhận, Chấp hành viên đề xuất với thủ trưởng đơn vị cho nộp ngân sách nhà nước. Vụ việc lúc này mới khép lại sau cả một quá trình đôn đốc, theo dõi 05 năm.

Đây cũng là một khó khăn, vướng mắc góp phần làm tăng lượng án tồn đọng, Chấp hành viên phải theo dõi hồ sơ và xử lý các bước theo quy định kéo dài trong 05 năm tổn kém về công sức cũng như kinh phí tác nghiệp.

Vì vậy thiết nghĩ, các cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng, điều chỉnh quy định của pháp luật cho hợp lý, tránh để án tồn đọng, tiết kiệm kinh phí, ngân sách cho nhà nước.

Trong quá trình áp dụng các quy định về thủ tục và nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên, còn tồn tại một số bất cập như sau:

Thứ nhất, nhận thức và ý thức của người phải thi hành về công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự còn hạn chế, thờ ơ.

Theo quy định về điều kiện miễn giảm hình phạt tù quy định tại Điều

6 Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/5/2013 của liên Bộ và Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân không quy định điều kiện về thi hành nghĩa vụ dân sự của người đang chấp hành hình phạt tù. Chính vì lẽ đó càng làm cho nhận thức của người bị kết án và thân nhân của họ về thi hành nghĩa vụ dân sự hạn chế và đây là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Thứ hai, nhân thân người phải thi hành án là yếu tố cản trở việc thực hiện thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự.

Thực tế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự có một số trường hợp thực sự khó khăn không có tài sản, thu nhập nhưng cũng không ít trường hợp người phải thi hành án cố tình chống đối và chây ì gây cản trở trong quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên. Bởi các đối tượng phải thi hành án trong bản án, quyết định hình sự đều có nhân thân không tốt, thường là các đối tượng phạm tội như đánh bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn bán ma túy... hoặc là những đối tượng tái phạm, đã vào và ra tù thường xuyên. Một số trường hợp người phải thi hành án bị Tòa án tuyên về hình phạt là án treo, nhưng chủ yếu là các trường hợp đều phải thi hành phần hình sự là án tù giam. Do vậy, việc cơ quan THADS tổ chức thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự gặp khó khăn ngay từ khâu tổng đạt các quyết định, văn bản, giấy tờ về thi hành án vì thực tế, theo Điều 39 Luật THADS, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản, Chấp hành viên phải giao quyết định về thi hành án cho người phải thi hành án nhưng trong thực tế thi hành, có nhiều trường hợp không xác định được người phải thi hành án đang chấp hành án ở trại giam nào nên việc giao quyết định cho

đương sự gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Nếu làm đúng theo quy định thì Chấp hành viên rất dễ bị vi phạm quy định.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự chưa phát huy hiệu quả.

Thực tiễn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự không đồng bộ, thiếu sự phối hợp do chưa nhận thức được mục đích của công tác này. Các hình thức, phương tiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật dường như chỉ tập trung cho việc trang bị các quy định về hành vi vi phạm pháp luật hình sự mà ít chú ý đến tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự. Vì vậy, thiếu tính nhất quán, liên tục và hệ thống cho nên chưa nâng cao được trình độ nhận thức pháp luật của người dân nói chung và của người bị kết án nói riêng; chưa kết hợp được ý thức pháp luật XHCN với giáo dục đạo đức XHCN về thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Thứ tư, sự hạn chế, yếu kém của chính cơ quan có nhiệm vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Tình hình tội phạm ngày càng gia tăng về số lượng cũng như phức tạp về mức độ, dẫn đến các đối tượng phải thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự cũng gia tăng và mức độ chống đối, chây ì, trốn tránh cũng ngày càng gay gắt. Trong khi đó cơ quan có nhiệm vụ thi hành nghĩa vụ dân sự lại là cơ quan không thuộc lực lượng vũ trang không được trang bị công cụ, phương tiện đủ mạnh để trấn áp nhằm thi hành có hiệu quả, dứt điểm bản án, quyết định hình sự của Tòa án. Lực lượng làm công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự đã thiếu mà tâm lý công chức lại chưa yên tâm thực hiện vì tính chất công việc như lực lượng vũ trang nhưng không được coi là lực lượng vũ trang nên không chủ động được trong công việc.

Chính vì sự thiếu chủ động, yếu kém về vai trò nên đối với những loại việc về thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự nên trong thực tế các cán bộ chịu trách nhiệm thực thi đã tìm mọi cách hợp lý hóa hồ sơ thi hành án, làm qua loa chiếu lệ, mang tính thủ tục chứ không thi hành dứt điểm được bản án, quyết định và hầu hết đều vận dụng quy định pháp luật để đưa vào dạng chưa có điều kiện thi hành án, sau đó chờ đủ điều kiện về thời gian thì lập hồ sơ đề nghị Tòa án ra quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

2.3. Thực trạng áp dụng các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

Theo Điều 66 Luật THADS năm 2014, khi áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên không phải thông báo trước cho đương sự. Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự, cụ thể:

2.3.1 Thực trạng áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành phần dân sự trong bản án quyết định hình sự

2.3.1.1. Biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản nơi gửi giữ

Theo Điều 67 Luật THADS năm 2014 quy định: “Việc phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ được thực hiện trong trường hợp người phải thi hành án có tài khoản, tài sản gửi giữ. Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ phải xác định rõ số tiền, tài sản bị phong tỏa. Chấp hành viên phải giao quyết định phong tỏa cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản của người phải thi hành án. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này” [25, tr.77].

Theo quy định này, khi phát hiện thấy người phải thi hành án có những dấu hiệu tẩu tán tiền trong tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ của mình nhằm gây

khó khăn hoặc trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên có quyền áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản của người đó ngay. Việc áp dụng biện pháp này cần phải tuân theo những điều kiện và thủ tục nhất định như: khi tiến hành phong tỏa tài khoản, Chấp hành viên phải giao quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ cho cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản, tài sản của người đó. Ngoài ra, nội dung quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ còn được quy định tại Điều 20, Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật Thi hành án dân sự (Nghị định 62/2015/NĐ-CP) quy định “*Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ phải xác định rõ số tiền, tài sản bị phong tỏa*”. Vì vậy, để ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản nơi gửi giữ chính xác, khả thi cần phải tiến hành các hoạt động thu thập thông tin như: chủ tài khoản, tài sản, số dư trong tài khoản đó, trị giá tài sản. Chấp hành viên do thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác, đầy đủ và vội vàng ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản nơi gửi giữ không đúng đối tượng hoặc phong tỏa cả những tài khoản không còn số dư... là không đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Chấp hành viên là người duy nhất có thẩm quyền ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản và quyết định này được giao cho cơ quan, tổ chức quản lý tài khoản của người phải thi hành án. Quyết định phong tỏa cần ghi đầy đủ thông tin liên quan đến chủ tài khoản, tài sản, số tài khoản, số tiền, tài sản bị phong tỏa và căn cứ phong tỏa, thời hạn và hậu quả pháp lý xảy ra. Trình tự tác nghiệp của Chấp hành viên như sau:

- Thu thập thông tin về tài khoản của người phải thi hành án tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước; Ra quyết định quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản; Giao quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa

tài khoản và quyết định phát sinh hiệu lực ngay sau khi được giao cho cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản.

Thực hiện quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc chấm dứt việc phong tỏa theo quy định.

Qua trao đổi với một số Chấp hành viên, họ cho rằng, có rất nhiều trường hợp người phải thi hành án đã cố tình thủ tiêu các khoản tiền “đen” của mình gửi tại các ngân hàng nhằm trốn tránh hoặc gây khó khăn cho việc thi hành án của cơ quan Nhà nước. Điều này khiến cho cơ quan thi hành án gặp rất nhiều khó khăn, nhiều án tồn đọng kéo dài do không thể xác minh chính xác số tài sản của người phải thi hành án và người phải thi hành án cũng không đủ điều kiện thi hành do không có số tài sản bằng nghĩa vụ tài sản phải thi hành trong bản án, quyết định của Tòa án.

2.3.1.2. Biện pháp tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự

Người có thẩm quyền đưa ra quyết định tạm giữ và có quyền tạm giữ tài sản, giấy tờ là Chấp hành viên đang thực hiện nhiệm vụ thi hành án hoặc Chấp hành viên cũng có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ để tạm giữ tài sản, giấy tờ mà đương sự đang quản lý, sử dụng. Nội dung này được quy định cụ thể tại Khoản 1, Điều 68 của Luật THADS năm 2014. Tại khoản 1, Điều 18, Nghị định 62/2015/NĐ-CP cũng quy định: “*Chấp hành viên có thể yêu cầu lực lượng cảnh sát hoặc tổ chức, cá nhân khác hỗ trợ việc tạm giữ giấy tờ, tài sản của đương sự...*”. Tuy nhiên, việc tiến hành tạm giữ tài sản, giấy tờ không đơn giản mà hết sức phức tạp. Vì có nhiều trường hợp người phải thi hành án đã rất tinh vi, dùng mọi thủ đoạn để trốn tránh, gây cản trở cho người thi hành công vụ. Vì vậy, “*Khi tạm giữ tài sản, giấy tờ phải lập biên bản có chữ ký của Chấp hành viên và người đang quản lý, sử dụng tài*

sản, giấy tờ; trường hợp người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ không ký thì phải có chữ ký của người làm chứng. Biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ phải được giao cho người quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ” (Khoản 3 Điều 68 Luật Thi hành án dân sự)

Nội dung của biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật “...ghi rõ tên người bị tạm giữ tài sản, giấy tờ; loại tài sản, giấy tờ bị tạm giữ; số lượng, khối lượng, kích thước và các đặc điểm khác của tài sản, giấy tờ bị tạm giữ.” (Khoản 2, Điều 18, Nghị định 62/2015/NĐ-CP)

Đối với tài sản tạm giữ là tiền mặt, “*thì phải ghi rõ số lượng tờ, mệnh giá các loại tiền, nếu là ngoại tệ thì phải ghi là tiền nước nào và trong trường hợp cần thiết còn phải ghi cả số sê ri trên tiền*”. Đối với tài sản tạm giữ là kim khí quý, đá quý thì “*phải niêm phong trước mặt người bị tạm giữ tài sản hoặc thân nhân của họ*” (Khoản 2, Điều 18, Nghị định 62/2015/NĐ-CP).

Việc giao bảo quản tài sản phải được lập biên bản ghi rõ loại tài sản, tình trạng tài sản, giờ, ngày, tháng, năm giao; họ, tên Chấp hành viên, đương sự, người được giao bảo quản, người làm chứng, nếu có; quyền, nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và có chữ ký của các bên. Trường hợp có người từ chối ký thì phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Việc giao trả lại tài sản, giấy tờ tạm giữ cho đương sự phải được tiến hành theo đúng trình tự và thủ tục như quy định của pháp luật. Cụ thể quy định tại Khoản 3, Điều 18, Nghị định 62/2015/NĐ-CP như sau: “*Khi trả lại tài sản, giấy tờ tạm giữ, Chấp hành viên yêu cầu người đến nhận xuất trình các giấy tờ chứng minh là người bị tạm giữ tài sản, giấy tờ hoặc là người được người đó ủy quyền. Chấp hành viên yêu cầu người đến nhận kiểm tra về số lượng, khối lượng, kích thước và các đặc điểm khác của tài sản, giấy tờ bị tạm giữ dưới sự chứng kiến của thủ kho cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được giao bảo quản. Việc trả lại tài sản, giấy tờ phải lập thành biên bản.*”

Chấp hành viên áp dụng biện pháp tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự được thực hiện theo các bước sau đây: Phát hiện tài sản, giấy tờ của đương sự.; Lập biên bản về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ; Ra quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ; Giao bảo quản tài sản, giấy tờ bị tạm giữ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự. Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc phải ra quyết định trả lại tài sản, giấy tờ của đương sự.

Như vậy, tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự là một biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự cần thiết. Biện pháp này sẽ giúp cho công tác thi hành án được diễn ra thuận lợi, đảm bảo được tính nhanh chóng, hiệu quả của việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, đảm bảo được quyền lợi của người được thi hành án..... Đây cũng là biện pháp giúp làm giảm thiểu tình trạng án tồn đọng, không thể thi hành án được do người phải thi hành án đã có những hành vi tẩu tán, chuyển quyền sở hữu hay thay đổi hiện trạng tài sản phải thi hành án của mình từ trước

2.3.1.3. Biện pháp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản

Tại Điều 19 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP cũng quy định cụ thể như sau: "*Kể từ thời điểm nhận được quyết định về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản, cơ quan đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không được thực hiện việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng hoặc thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi nhận được quyết định của Chấp hành viên về chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản".*

Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xác định thông tin về tài sản và dấu hiệu của hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng đối với tài sản của người phải thi hành án.

- Ra quyết định áp dụng biện pháp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản

- Thực hiện quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án. Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc phải ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án.

Qua nghiên cứu cho thấy, trong rất nhiều trường hợp án tồn đọng và không thể thi hành là do đương sự đã có hành vi như đăng ký, chuyển quyền sở hữu tài sản của mình cho người khác để trốn tránh việc phải thi hành án của mình, hay thay đổi hiện trạng của tài sản nhằm gây khó khăn cho Cơ quan thi hành án. Do đó, việc áp dụng biện pháp này là điều rất cần thiết nhằm đảm bảo cho quá trình thi hành án diễn ra nhanh chóng và có hiệu quả cao.

2.3.2. Thực trạng áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

Theo Điều 71 Luật THADS năm 2014, các biện pháp cưỡng chế thi hành án như sau:

- Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

- Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.

- Khai thác tài sản của người phải thi hành án.
- Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.
- Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

Như vậy, kê biên tài sản là biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với người phạm tội có thể bị phạt tiền, tịch thu tài sản hoặc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra kê biên tài sản còn được áp dụng đối với tài sản đang tranh chấp để tránh việc tẩu tán trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hoặc được Chấp hành viên áp dụng đối với người phải thi hành án để đảm bảo cho việc phải thi hành án [37, tr.38].

Biện pháp cưỡng chế thi hành án được áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện để thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành hoặc người phải thi hành án có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Việc cưỡng chế thi hành án dân sự phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục được quy định trong Luật THADS năm 2014 và Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an ban hành quy định cụ thể việc phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự. Theo đó, để có thể tiến hành hoạt động cưỡng chế thi hành án thì Chấp hành viên phải tiến hành nhiều thủ tục rất phức tạp và phải có mặt đầy đủ thành viên Hội đồng cưỡng chế. Vì vậy, trong một số trường hợp cần áp dụng khẩn cấp biện pháp cưỡng chế thì không đạt hiệu quả, lợi dụng cơ hội này người phải thi hành án tìm mọi cách để tẩu tán tài sản.

Mặt khác, đối với trường hợp cưỡng chế tài sản và xử lý tài sản nếu tài sản bán đấu giá không thành, theo quy định tại Điều 104 Luật THADS thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bán đấu giá không thành mà đương sự không yêu cầu định giá lại thì Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Mỗi lần giảm giá không quá 10% giá đã định. Nhưng

pháp luật không quy định số lần giảm giá nên mỗi địa phương áp dụng một cách khác nhau. Có những trường hợp Chấp hành viên hạ giá một lần nhưng không ai mua và đã ra quyết định tiếp tục giảm giá để bán đấu giá cho đến khi tài sản đã giảm giá thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án không nhận để trừ vào nghĩa vụ thi hành án nên Chấp hành viên trả lại tài sản cho người phải thi hành án. Như vậy, chẳng những quyền lợi của người được thi hành án chưa được bảo đảm mà còn ảnh hưởng đến tính có hiệu lực bản án, quyết định của Tòa án.

Trong quá trình áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, còn tồn tại một số bất cập như sau:

Thứ nhất, công tác quản lý chỉ đạo việc thi hành nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức Cục THADS chưa khoa học và chưa có giải pháp cụ thể trong chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự. Bên cạnh đó, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành liên quan đến việc thực hiện biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự. Nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng về mặt nhân thức cũng như kỹ năng.

Thứ hai, tình trạng chây ì, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án. Nếu hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành thì chấp hành viên sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế. Do đó, người phải thi hành án thường tìm mọi cách để trì hoãn, trốn tránh việc thi hành án như bỏ đi khỏi nơi cư trú hoặc chấp hành xong hình phạt tù không trở về địa phương, làm cho quá trình thi hành án gặp nhiều khó khăn.

2.4. Thực trạng cơ chế bảo đảm thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên.

2.4.1. Đánh giá cơ chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự.

Với Luật THADS 2014, việc thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự từng bước đi vào ổn định và có qui mô hơn; đã có sự đổi mới cơ bản về công tác tổ chức quản lý thi hành án dân sự, về nghiệp vụ cũng như lề lối làm việc, phương pháp công tác; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức ngành thi hành án dân sự.

Địa vị pháp lý, quyền hạn, chế độ chính sách của Chấp hành viên đã được qui định rõ nét và nâng cao hơn; tạo điều kiện cho Chấp hành viên thực thi trách nhiệm của mình. Cụ thể, hoạt động các cơ quan có thẩm quyền thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự tập trung như sau:

- Cơ quan thi hành án

Cơ quan THADS, Chấp hành viên được Nhà nước giao trực tiếp thi hành các bản án, quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 35 Luật Thi hành án dân sự. Tuy nhiên, Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên không được lạm dụng quyền lực trong quá trình tổ chức thi hành án mà phải tuân thủ những nguyên tắc, trình tự, thủ tục được pháp luật quy định nhằm bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Khi tiến hành hoạt động thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, yêu cầu phải tuân thủ pháp luật đảm bảo nguyên tắc, điều kiện, phạm vi phần dân sự phải thi hành như khoản tiền, tài sản và quyết định dân sự khác và trình tự, thủ tục khi thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự. Vì vậy, việc này đòi hỏi Chấp hành viên, Cơ quan THADS và các chủ thể liên quan phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng nêu trên, trong quá trình thi hành phần dân sự trong các bản

án, quyết định hình sự, hệ thống Cơ quan THADS và các Chấp hành viên của tỉnh Hưng Yên luôn luôn tuân thủ và đảm bảo nguyên tắc, điều kiện, phạm vi phần dân sự phải thi hành và trình tự, thủ tục khi tiến hành áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự. Trong thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, trực tiếp là Chấp hành viên - người được Nhà nước giao trách nhiệm tổ chức thi hành án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động liên quan đến việc tổ chức thi hành án. Tuy nhiên, hoạt động thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự có liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt do tính phức tạp của thi hành án dân sự mà trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, Cơ quan THADS phải huy động tổng hợp sức mạnh của nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị để đảm bảo cho việc thi hành án thống nhất, thuận lợi và thông suốt.

- Các cơ quan phối hợp

Hoạt động tổ chức thi hành án dân sự nói chung cũng như hoạt động thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng, Cơ quan THADS không thể tự mình có thể giải quyết được tất cả các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự và cũng không thể một mình tiến hành các hoạt động bảo đảm thi hành phần dân sự. Trên cơ sở đó, các Cơ quan THADS và Chấp hành viên của tỉnh Hưng Yên đặc biệt quan tâm đến công tác phối hợp với các tổ chức hữu quan và với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án, Trại giam, Trại tạm giam, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn như Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Tổ chức tín dụng, Ngân hàng thương mại, Tài nguyên và Môi trường... để thực hiện các hoạt động bảo đảm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nhằm giải quyết việc thi hành án đạt hiệu quả trên thực tế.

Quá trình thi hành phần dân trong các bản án, quyết định hình sự ở tỉnh Hưng Yên, trước khi Chấp hành viên áp dụng các hoạt động thi hành chính thức luôn có sự trao đổi bằng một cuộc họp trú bị, tùy vào từng vụ việc, cuộc họp với thành phần các cơ quan chuyên môn khác nhau (Công an, Tài chính, Tài nguyên môi trường, Viện kiểm sát nhân dân, Ngân hàng nhà nước...), lực lượng hỗ trợ tư pháp cùng với Chấp hành viên, trong đó Thủ trưởng cơ quan thi hành án giữ vai trò điều hành cuộc họp với tư cách là Phó trưởng Ban chỉ đạo thi hành án dân sự. Việc này tránh được tâm lý bức xúc của các cơ quan chuyên môn cho rằng Cơ quan thi hành án dân sự nhất là Chấp hành viên không tôn trọng ý kiến của họ, đặt họ vào thế đã rồi, chỉ được thực hiện theo quyết định mà không có ý kiến trao đổi công khai, dân chủ.

Bên cạnh đó, ở tỉnh Hưng Yên đã xây dựng quy chế phối hợp giữa Cơ quan thi hành án dân sự và các Cơ quan, Tổ chức hữu quan một cách toàn diện. Đặc biệt, về công tác phối hợp thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự được thực hiện trong tất cả phạm vi hoạt động của Cơ quan THADS như áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành, tổng đạt các văn bản, quyết định, trực tiếp làm việc với đương sự....

Các Cơ quan THADS và Chấp hành viên của tỉnh Hưng Yên tạo được các mối quan hệ tốt với các cơ quan hữu quan đã làm nên một sức mạnh tập thể đoàn kết, thống nhất trong bộ máy nhà nước ở địa phương. Vì vậy, công tác tổ chức thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng đều thực hiện thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo tốt hiệu quả thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Hiện nay, tại tỉnh Hưng Yên, công tác xã hội hóa THADS còn chưa được thực hiện. Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có văn phòng Thừa phát lại, để hỗ trợ CHV trong việc xác minh và tổng đạt các văn bản, giấy tờ về THA, dẫn đến tình trạng vi phạm về thời gian tổng đạt còn nhiều.

2.4.2. Phân cấp thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự

2.4.2.1. Thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh

Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án cấp tỉnh được quy định tại Điều 14 Luật THADS năm 2014, được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

Một là, trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật THAD như: Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp tỉnh trên cùng địa bàn; của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; của Tòa án nước ngoài, bản án, quyết định do Cơ quan thi hành án dân sự nơi khác ủy thác; bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này mà thấy cần thiết lấy lên để thi hành; bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp về thi hành án.

Hai là, quản lý, chỉ đạo về thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Bảo đảm việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự; Chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự đối với Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự cho Chấp hành viên, công chức khác của Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn; Kiểm tra công tác thi hành án dân sự đối với Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; Tổng kết thực tiễn thi hành án dân sự; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Ba là, lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự; phối hợp với cơ quan Công an trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù.

Bốn là, thực hiện quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.4.2.2. Thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện

Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án cấp huyện được quy định tại Điều 16 Luật THADS năm 2014, được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

Một là, trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật THADS năm 2014 như: Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện nơi Cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện nơi Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có trụ sở; Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện nơi Cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; Bản án, quyết định do Cơ quan thi hành án dân sự cấp nơi khác ủy thác,

Hai là, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 142 Luật này.

Ba là, thực hiện quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện hoạt động được giao theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh.

Bốn là, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh.

Năm là, lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Sáu là, thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Thực tế triển khai thi hành án vẫn có những vướng mắc nhất định, cụ thể như:

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác thi hành án những năm gần đây đã được Nhà nước quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc.

- Biên chế và số lượng Chấp hành viên còn thiếu, năng lực của Chấp hành viên nhiều huyện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

- Lượng việc và tiền tồn đọng chưa thi hành được của các việc về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự còn nhiều, đặc biệt còn tình trạng án tồn đọng kéo dài, tính chất ngày càng phức tạp, chưa có biện pháp giải quyết có hiệu quả.

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, các văn bản hướng dẫn còn thiếu chưa kịp thời với đòi hỏi của nhu cầu thực tiễn.

- Sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự còn kém hiệu quả.

- Ý thức chấp hành pháp luật cũng như nhận thức của người bị kết án nói riêng và của người dân nói chung còn kém.

- *Quyền hạn của cơ quan thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự còn hạn chế.*

Trong thực tế thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự, do quyền hạn của cơ quan THADS còn hạn chế nên nhiều khi không có sự chủ động trong công việc, ví dụ như đối với các vụ việc cưỡng chế, mặc dù Chấp hành viên đã lên kế hoạch cưỡng chế và họp trừ bị rồi nhưng gần đến thời gian cưỡng chế, cơ quan công an lại báo hoãn vì nhiều lý do. Điều này cũng gây tâm lý chán nản cho Chấp hành viên cũng như bức xúc của các đương sự.

Kết luận chương 2

Những điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội đã ảnh hưởng rất lớn tới quá trình thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói chung và trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng.

Trên cơ sở những lý luận đã đưa ra ở chương 1 và số liệu từ thực tiễn của Cục thi hành án tỉnh Hưng Yên trong những năm gần đây, chương 2 của Luận văn đi vào phân tích, đánh giá thực trạng về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, thực trạng áp dụng các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự và thực trạng cơ chế bảo đảm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự ở tỉnh Hưng Yên. Từ đó, Luận văn sẽ đưa ra một số phương hướng, giải pháp nhằm khắc phục án tồn đọng, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự nói chung và công tác thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại Chương 3 của Luận văn.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHẦN DÂN SỰ TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ TẠI TỈNH HƯNG YÊN

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật và cơ chế thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

Để giải quyết một số bất cập trong quy định của pháp luật và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác thi hành án dân sự, tác giả xin đưa ra một số định hướng sau:

Một là, quán triệt quan điểm, định hướng của Đảng về công tác thi hành án nói chung và thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng, trên cơ sở Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định rõ: “*Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành*” [10]. Theo tinh thần đó, nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án phải được đảm bảo bằng cơ chế mang tính quyền lực nhà nước, đây được coi như một nguyên tắc mang tính định hướng cho toàn bộ hoạt động thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng, mà trong đó, thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự cũng cần phải được quan tâm, chú trọng.

Hai là, cần phải tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về THADS phù hợp với tình hình mới của đất nước giai đoạn hiện nay, trong đó có chế định pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự và các văn bản pháp luật liên quan, hướng dẫn để áp dụng thuận tiện pháp luật THADS về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự. Điều này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập trật tự và nâng cao hiệu quả

hoạt động THADS; đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; phát huy tính tích cực, chủ động của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và tăng cường sự tham gia của nhân dân, các tổ chức xã hội vào quá trình thực hiện pháp luật THADS. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCH Việt Nam và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, cần tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc, thủ tục thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự mang tính đặc thù, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Ba là, tiếp tục đổi mới về tổ chức bộ máy Cơ quan thi hành án dân sự và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Theo đó, hệ thống cơ quan thi hành án dân sự cần được thiết kế hợp lý, khoa học và hiện đại, chuyên nghiệp về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; đặc biệt, cần xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động thi hành án dân sự. Về đội ngũ cán bộ, công chức thi hành án dân sự, nhất là người có chức danh tư pháp, cần có quy định cụ thể như đề cao nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng vị trí chức danh và chức vụ trong công tác quản lý, sử dụng cán bộ của ngành thi hành án dân sự.

Bốn là, cần tăng cường hoạt động giám sát của Đảng, các cơ quan nhà nước và nhân dân đối với hoạt động thi hành án dân sự nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của bản án, quyết định của Tòa án, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và những người có quyền, lợi ích liên quan khác. Bên cạnh đó, hoạt động thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng còn đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ phối hợp

chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị có liên quan và của mỗi cá nhân, tổ chức trong xã hội.

3.2. Giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự tại tỉnh Hưng Yên

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm nội dung thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự theo tại mục 1 Chương V Luật THADS năm 2014 thì một số quy định trong các văn bản pháp luật khác tạo căn cứ cho việc xác định nghĩa vụ phải thi hành như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đất đai,... cũng cần được cụ thể hóa nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, tăng cường hiệu quả công tác thi hành án dân sự như:

- Bộ luật Dân sự năm 2015: cần bổ sung quy định về xác định thành viên hộ gia đình, căn cứ xác định tài sản của các thành viên trong khối tài sản chung của hộ để đảm bảo thi hành được nghĩa vụ của người phải thi hành án là thành viên của hộ gia đình.

- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: cần bổ sung các quy định về tư cách khởi kiện; việc thụ lý và giải quyết các vụ việc dân sự liên quan đến giải quyết xác định phần sở hữu của người phải thi hành án.

- Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và Nghị định hướng dẫn thi hành: Bổ sung quy định về trường hợp hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trong trường hợp đương sự không chịu giao nộp giấy tờ đăng ký quyền sở hữu tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Chấp hành viên; bổ sung thống nhất quy định thời điểm chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý tài sản, thu nhập của cá nhân theo hướng: Phần lớn thu nhập, chi tiêu của cá nhân được thực hiện thông qua tài khoản,

cơ quan thi hành án có quyền hạn chế các giao dịch của người phải thi hành án trong giai đoạn chưa hoàn thành nghĩa vụ, khấu trừ tài khoản của người phải thi hành án.

Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị: "*Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm*" [10]. Ngày 22 tháng 3 năm 2014, Chính phủ cũng ban hành nghị quyết số 22/NQ-CP chuyên đề xây dựng pháp luật, theo đó định hướng bảo vệ quyền con người, giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ, hướng tới mục đích tăng phạm vi áp dụng các hình phạt về vật chất, giảm phạm vi áp dụng các hình phạt tù.

Bên cạnh đó, nên phân biệt rõ hai trường hợp không có điều kiện thi hành và trường hợp có điều kiện nhưng cố tình không thi hành phần dân sự trong bản án hình sự. Đối với trường hợp người bị kết án có điều kiện nhưng cố tình không thi hành thì phải qui định rõ ràng và áp dụng hình thức lao động bắt buộc hoặc phải áp dụng các chế tài nghiêm khắc khác thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự về "Tội không chấp hành án" trong Bộ luật hình sự đối với họ.

Việc qui định miễn, giảm thi hành các hình phạt tiền, tịch thu tài sản và các quyết định dân sự khác trong bản án, quyết định hình sự đối với người bị kết án thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Các qui định về miễn, giảm chấp hành các hình phạt được qui định trong các văn bản pháp luật như: Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 (Nay là 2015 đã được ban hành nhưng hoãn có hiệu lực); Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thông tư số 10/2010/TTLT và mới đây Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ qui định người phải thi hành nghĩa vụ đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước đã thi hành được ít nhất bằng 1/50 khoản phải thi hành thì được xét miễn,

giảm nghĩa vụ thi hành. Song, theo phản ánh từ các cơ quan thi hành án, bên cạnh trường hợp người bị kết án có điều kiện thi hành án nhưng cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ của mình, thì nhiều đối tượng đang chấp hành hình phạt tù chung thân, có hồ sơ thi hành án đã lâu năm nhưng không có tài sản để thực hiện dẫn đến tốn kém công sức, kinh phí từ ngân sách Nhà nước như: Người bị kết án không có tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản đó theo qui định của pháp luật không được xử lý để thi hành án. Người không có thu nhập hoặc mức thu nhập thấp, chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người bị kết án và gia đình họ, các trường hợp bị thiên tai, lũ lụt mà người bị kết án không còn tài sản; không xác định được địa chỉ, nơi sinh sống hoặc tài sản của người bị kết án cũng nằm trong diện được xem xét miễn giảm thi hành án. Chính vì vậy, nên bổ sung trường hợp không xác định được địa chỉ, tài sản của người bị kết án thì có thể được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại.

3.2.2. Tăng cường năng lực cơ chế bảo đảm thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là một hình thức đặc biệt của thi hành án dân sự, bởi vì đối tượng phải thi hành án là người bị kết án trong các vụ án hình sự. Do vậy, để đảm bảo thi hành phần dân sự được thực hiện tốt, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan hữu quan như Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể, nhân dân và các cơ quan, tổ chức kinh tế có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự để đảm bảo phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào việc bảo đảm thi hành án. Đặc biệt trong lĩnh vực thi hành án dân sự, ngoài Chấp hành viên là người được nhà nước giao trách nhiệm chỉ đạo tổ chức phối hợp các cơ quan trong việc thi hành án dân sự ở địa phương còn có

các cơ quan hữu quan có trách nhiệm trong việc phối hợp, kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi tẩu tán tài sản, cản trở, chống đối việc thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự.... Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho công tác thi hành án dân sự.

Cần quán triệt những nội dung cơ bản của luật THADS và các văn bản hướng dẫn có liên quan để các Chấp hành viên, cán bộ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của ngành. Mặt khác, cần tổng kết, đánh giá công tác thi hành các vụ việc theo từng tháng, từng quý trong năm để rút kinh nghiệm, đề ra phương pháp để thực hiện xuất sắc hơn nữa nhiệm vụ của ngành.

Quán triệt và thể chế hóa chủ trương "*sớm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thi hành án theo hướng tiến tới tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành án vào Bộ Tư pháp*" [8]. Việc giao cho một cơ quan chức năng giúp Chính phủ quản lý tập trung, thống nhất công tác thi hành án là cần thiết và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu sắp xếp lại bộ máy nhà nước theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và có hiệu quả. Hoạt động thi hành án do nhiều cơ quan thực hiện đã tạo ra sự thiếu thống nhất trong quản lý, thiếu sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa cơ quan thi hành án và các cơ quan hữu quan, hạn chế hiệu quả của mỗi lĩnh vực thi hành án, nhất là làm cho việc khắc phục án tồn đọng trong thi hành các nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự bị kéo dài. Việc ban hành Bộ luật thi hành án trên cơ sở hệ thống hóa, pháp điển hóa, mở rộng phạm vi điều chỉnh là hết sức cần thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức, hoạt động thi hành án trong tình hình hiện nay. Đối với lĩnh vực thi hành án dân sự, Bộ luật này phải coi bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án là một nguyên tắc cơ bản chỉ đạo toàn bộ nội dung của nó; tạo ra một cơ chế phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa cơ quan thi hành án với Cơ

quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương trong việc tổ chức thi hành án; qui định rõ và mở rộng quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan thi hành án, Chấp hành viên; qui định rõ trách nhiệm của các cơ quan hữu quan, tổ chức, công dân trong việc thực hiện các yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình thi hành án; xã hội hóa một số hoạt động thi hành án dân sự.

Việc xã hội hoá công tác THADS là một chủ trương lớn cần thiết vì nó mang lại những lợi ích như: Giúp giảm tải khối lượng công việc của cơ quan THADS, góp phần giải quyết tình trạng tồn đọng án, tạo điều kiện để cơ quan THADS tinh lọc, kiện toàn, tinh giản biên chế, làm gọn nhẹ bộ máy, tiết kiệm một cách đáng kể cho ngân sách Nhà nước. Nhờ có sự cạnh tranh giữa các cơ quan, tổ chức THADS làm thay đổi phong cách, lề lối làm việc, thái độ phục vụ, khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu nhân dân.

3.2.3. Hoàn thiện về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, Chấp hành viên và tăng cường cơ sở vật chất

Để nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự, ngoài vấn đề hoàn thiện những qui định của pháp luật, việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của các cơ quan có nhiệm vụ thi hành án một cách khoa học, hợp lý là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, cần kiện toàn tổ chức, bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, Chấp hành viên các cơ quan này theo hướng sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan có nhiệm vụ thi hành án các cấp gắn với phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể giữa chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giữa các cơ quan: Tư pháp, Tòa án, Công an từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, cho đến các trại giam, trại tạm giam có nhiệm vụ cải tạo, giáo dục cho những phạm nhân là những người phải thi hành nghĩa vụ dân sự.

Thứ hai, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức cho cán bộ, Chấp hành viên có nhiệm vụ thi hành án dân sự. Hiệu quả

hoạt động thi hành phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực cán bộ, Chấp hành viên có nhiệm vụ thi hành án. Do đó, việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức cho cán bộ, Chấp hành viên có nhiệm vụ thi hành án là yêu cầu cấp bách hiện nay. Đồng thời có chế độ, chính sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao để họ yên tâm công tác, không bị sự cám dỗ của vật chất làm suy thoái đạo đức nghề nghiệp, làm sai lệch kết quả tác nghiệp trong khi tổ chức thi hành án. Chú trọng đến việc phân bổ ngân sách hợp lý cho hoạt động thi hành án, đảm bảo chế độ lương phù hợp nhằm khuyến khích, động viên, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, Chấp hành viên làm công tác thi hành án dân sự. Vì vậy, để tạo điều kiện cho cán bộ có nhiệm vụ thi hành án có điều kiện tích lũy kinh nghiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thì ngoài việc đầu tư cho công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, thì việc bố trí, ổn định cán bộ làm công tác này là một yêu cầu hết sức cần thiết

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, kỹ thuật và phương tiện làm việc của các cơ quan thi hành án dân sự chiếm vị trí rất quan trọng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Hiện nay rất nhiều cơ quan thi hành án cấp huyện có trụ sở nhỏ hẹp chưa đáp ứng yêu cầu công việc. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác thi hành án còn nhiều thiếu thốn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự ở tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, cần phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và phương tiện hoạt động thi hành án, đảm bảo sự uy nghiêm và hiệu quả thi hành án, nhất là khi áp dụng thi hành án bằng biện pháp cưỡng chế. Chú trọng đến việc phân bổ ngân sách hợp lý cho hoạt động thi hành án, đảm bảo chế độ lương phù hợp, nhằm khuyến khích, động viên, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, nhân viên làm công tác thi hành án nói chung cũng như cán bộ, Chấp hành viên thi hành án dân sự nói riêng.

3.2.3.1. Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan liên quan

Trong công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thì sự phối hợp của các cơ quan liên quan đóng một vai trò rất quan trọng. Sự phối hợp của trại giam, Cơ quan thi hành án hình sự thuộc cơ quan Công an và sự phối hợp của chính quyền địa phương cũng như vai trò giám sát của Viện kiểm sát là những nhân tố tích cực và rất hiệu quả. Các quy định hiện hành về sự phối hợp tuy đã có nhưng chưa đầy đủ, chưa có tính hệ thống trong đó có Luật THADS năm 2014 cũng đã quy định về sự phối hợp của các cơ quan này, nhưng trong thực tiễn thời gian qua thì sự phối hợp của các cơ quan này còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần phải tăng cường phối hợp để ban hành thông tư liên tịch, ví dụ: Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT/BTP-BBCA-BTC ngày 06/02/2013 hướng dẫn việc thi hành nghĩa vụ dân sự đối với các phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù giữa Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công an. Hoặc thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐT BXH-NHNNVN ngày 14/01/2014 để xác minh điều kiện thi hành án về tài sản, thu nhập, tài khoản của người bị kết án, liên bộ còn xây dựng. Chi tiết hơn nữa là qui chế liên ngành số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/10/2013 của liên Bộ, ngành về phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự. Tuy giữa Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan ngành đã xây dựng được khá nhiều qui định liên ngành về công tác phối hợp trong thi hành án dân sự cũng như thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nhưng vẫn chưa đầy đủ và cũng chưa qui định chế tài đối với sự chậm trễ, bất hợp tác của các cơ quan liên quan khi được cơ quan thi hành án yêu cầu.

Từ thực tiễn thi hành án dân sự ở tỉnh Hưng Yên cho thấy, công tác phối hợp giữa Cơ quan thi hành án dân sự với các Cơ quan liên quan có ý nghĩa quan trọng, tạo nhiều thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và qua đó củng cố, tăng cường mối quan hệ thông qua ký kết các quy chế phối hợp liên ngành. Đặc biệt, hoạt động thi hành phần dân sự trong các bản

án, quyết định hình sự mang tính phức tạp, rất cần sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan hữu quan để các cơ quan thi hành án dân sự ở tỉnh Hưng Yên có thể thực hiện tốt nhiệm vụ. Ngày 28/10/2015, tại Cục THADS tỉnh Hưng Yên đã tổ chức lễ ký Quy chế phối hợp giữa Bảo hiểm xã hội và Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hưng Yên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên trong công tác thi hành án dân sự. Những Quy chế phối hợp giữa Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên với các cơ quan hữu quan đã phần nào tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, do đó việc tăng cường sự phối hợp liên ngành là một giải pháp cần thiết và cần được thực hiện một cách thường xuyên ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3.2.3.2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự nói riêng là hoạt động truyền đạt, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp dân cư, lứa tuổi để mọi người biết các qui định của pháp luật về thi hành án, vận động họ tuân thủ pháp luật về thi hành án với tính cách như là một đòi hỏi tất yếu của mỗi công dân trong xã hội văn minh. Vì vậy, phải coi biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự là biện pháp cơ bản thường xuyên, có ý nghĩa quyết định trong công tác thi hành án. Muốn nâng cao hiệu quả của công tác này, cần nâng cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, các tổ chức kinh tế, xã hội và phải đào tạo, bồi dưỡng số cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thuộc Công an, Tư pháp, Viện kiểm sát, Tòa án, giáo viên giảng dạy pháp luật, phóng viên, biên tập viên chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật của các báo, đài phát thanh, truyền hình. Đồng thời, cần phải bồi

dưỡng, đào tạo, chuyên môn hóa đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự. Việc xác định đúng nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự cho từng loại đối tượng là yếu tố có ý nghĩa quyết định cho việc đạt tới mục đích của giáo dục pháp luật.

Vì vậy, cần tập trung thực hiện và chỉ đạo các cơ quan THADS trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật nói chung, pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng cho đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục đương sự chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Việc xác định đúng nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự cho từng loại đối tượng là yếu tố có ý nghĩa quyết định cho việc đạt tới mục đích của giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật không thể tự thân đi vào nhận thức, tình cảm của người được giáo dục, mà phải qua các kênh truyền tải thông tin, qua các cách thức và biện pháp tác động nhất định, phù hợp với khả năng tiếp cận của đối tượng giáo dục.

Kết luận chương 3

Hoàn thiện các quy định pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự và cơ chế thi hành án dân sự cùng với việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự tạo điều kiện cho việc nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Các giải pháp này phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất trong thi hành án dân sự nói chung và thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự nói riêng.

KẾT LUẬN

Thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự đóng một vai trò quan trọng. Nó đảm bảo cho bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện trên thực tế, thể hiện sự quyết tâm của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc kiên quyết xử lý người phạm tội, ngoài việc xử lý về trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì Nhà nước còn xử lý trách nhiệm dân sự cả về vật chất và tinh thần của những người đó.

Những vi phạm về trình tự, thủ tục trong quá trình thi hành án đều bị coi là những hành vi vi phạm pháp luật; chúng không những xâm hại hoạt động đúng đắn của các cơ quan có nhiệm vụ thi hành án, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án, mà còn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thực hiện đúng, đầy đủ, chặt chẽ theo qui định của pháp luật góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thực tiễn thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự cho thấy công tác thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự đã từng bước đi vào ổn định và có qui mô hơn trong phạm vi cả nước; đã có sự đổi mới cơ bản về công tác tổ chức quản lý thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự, về nghiệp vụ, lề lối làm việc, phương pháp công tác, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan có nhiệm vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Những giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự có vai trò, vị trí quan trọng, trong đó cần xác định rõ giải pháp hoàn thiện pháp luật về thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự là giải pháp cơ bản, hàng đầu, giải pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự là giải pháp tích cực, giải pháp về tổ chức, bộ máy, con người của các cơ quan có nhiệm vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự là giải pháp then chốt.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2009), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Thông tin, Hà Nội.
2. Hoàng Thế Anh (2015), *Giám sát thi hành án dân sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Báo cáo tổng kết công tác thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 06 tháng đầu năm 2016.
4. Bản án số: 14/2013/HSST ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu
5. Bản án số: 17/2015/HSPT ngày 02/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên
6. Bản án số: 44/2015/HSST ngày 04/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu
7. Hồ Quân Chính (2011), *Vài suy nghĩ về thời hạn áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề về thi hành án dân sự, 7/2011.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Trần Đình Hào (2003), *“Về cải cách tư pháp và vấn đề thi hành án xét từ góc độ của luật kinh tế dân sự”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 7. tr. 19-28.

12. Nguyễn Thị Thúy Hằng, *Thực tiễn áp dụng biện pháp bảo đảm và cường chế thi hành án dân sự tại thành phố Huế*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx>

13. Phan Huy Hiếu (2012), *Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự*, luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

14. Chu Thị Hoa (2016), *Pháp luật thi hành án dân sự trong cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Lê Thị Hòa (2011), *Áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

16. Trần Phương Hồng (2011), *Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự*, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số chuyên đề.

17. Nguyễn Thị Khanh (2010), *Những vướng mắc từ thực tiễn thi hành Luật Thi hành án dân sự*, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Số 05/2010.

18. Nguyễn Công Long (2006), *Thi hành quyết định khẩn cấp tạm thời, thủ tục đặc biệt trong thi hành án dân sự*, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Số chuyên đề thi hành án.

19. Đặng Đình Quyền (2012), *Hiệu quả áp dụng pháp luật trong thi hành án dân sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

20. Quốc hội (2008), *Luật Thi hành án dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999 - sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Quốc hội (2010), *Luật Thi hành án hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Quốc hội (2010), *Luật Các tổ chức tín dụng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2014), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
26. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Nguyễn Quang Thái (2008), *Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
30. Hà Văn Thành (2015), “*Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự theo Luật thi hành án dân sự năm 2014 từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*”, Luận văn thạc sĩ Luật học tại Học viện Khoa học xã hội.
31. Nguyễn Thanh Thủy (2008), *Hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Tổng cục Thi hành án dân sự (2010), *Quyết định 1675/QĐ-TCTHA ngày 17 tháng 6 năm 2010 về việc ban hành Quy chế hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự trong nội bộ ngành Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
33. Tổng cục Thi hành án dân sự (2014), *Kế hoạch số 930/KH.TCTHADS Tổng cục Thi hành án dân sự về việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
34. Lê Anh Tuấn (2004), *Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

35. Trần Anh Tuấn (2009), *Bản chất pháp lí của biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự theo Luật Thi hành án dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16/2009.
36. Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 3 (2003), Nxb Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội, (tr.24)
37. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh thi hành án dân sự 1993* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh thi hành án dân sự 2004*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.706.
40. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.